



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



DANH MỤC SẢN PHẨM CÁP TAIHAN-SACOM

STT	Mã số	Đặc tính kỹ thuật
0	CV	Cáp điện bọc 1lõi Cu/PVC 0.6/1kv
1	CV1.5	Cu/PVC 1Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
2	CV2.5	Cu/PVC 1Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
3	CV4	Cu/PVC 1Cx4 SQMM-0.6/1kV
4	CV6	Cu/PVC 1Cx6 SQMM-0.6/1kV
5	CV10	Cu/PVC 1Cx10 SQMM-0.6/1kV
6	CV16	Cu/PVC 1Cx16 SQMM-0.6/1kV
7	CV25	Cu/PVC 1Cx25 SQMM-0.6/1kV
8	CV35	Cu/PVC 1Cx35 SQMM-0.6/1kV
9	CV50	Cu/PVC 1Cx50 SQMM-0.6/1kV
10	CV70	Cu/PVC 1Cx70 SQMM-0.6/1kV
11	CV95	Cu/PVC 1Cx95 SQMM-0.6/1kV
12	CV120	Cu/PVC 1Cx120 SQMM-0.6/1kV
13	CV150	Cu/PVC 1Cx150 SQMM-0.6/1kV
14	CV185	Cu/PVC 1Cx185 SQMM-0.6/1kV
15	CV240	Cu/PVC 1Cx240 SQMM-0.6/1kV
16	CV300	Cu/PVC 1Cx300 SQMM-0.6/1kV
17	CV400	Cu/PVC 1Cx400 SQMM-0.6/1kV
18	CV500	Cu/PVC 1Cx500 SQMM-0.6/1kV
19	CV630	Cu/PVC 1Cx630 SQMM-0.6/1kV
20	CV1.25	Cu/PVC 1Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
21	CV2	Cu/PVC 1Cx2 SQMM-0.6/1kV
22	CV3.5	Cu/PVC 1Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
23	CV5.5	Cu/PVC 1Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
24	CV8	Cu/PVC 1Cx8 SQMM-0.6/1kV
25	CV11	Cu/PVC 1Cx11 SQMM-0.6/1kV
26	CV14	Cu/PVC 1Cx14 SQMM-0.6/1kV
27	CV22	Cu/PVC 1Cx22 SQMM-0.6/1kV
28	CV30	Cu/PVC 1Cx30 SQMM-0.6/1kV
29	CV38	Cu/PVC 1Cx38 SQMM-0.6/1kV
30	CV60	Cu/PVC 1Cx60 SQMM-0.6/1kV
31	CV80	Cu/PVC 1Cx80 SQMM-0.6/1kV
32	CV100	Cu/PVC 1Cx100 SQMM-0.6/1kV
33	CV125	Cu/PVC 1Cx125 SQMM-0.6/1kV
34	CV150j	Cu/PVC 1Cx150j SQMM-0.6/1kV
35	CV200	Cu/PVC 1Cx200 SQMM-0.6/1kV
36	CV250	Cu/PVC 1Cx250 SQMM-0.6/1kV
37	CV325	Cu/PVC 1Cx325 SQMM-0.6/1kV
38	CV400j	Cu/PVC 1Cx400j SQMM-0.6/1kV
39	CV500j	Cu/PVC 1Cx500j SQMM-0.6/1kV
40	CV1.2mm	Cu/PVC 1Cx1.2mm SQMM-0.6/1kV
41	CV1.6mm	Cu/PVC 1Cx1.6mm SQMM-0.6/1kV
42	CV2.0mm	Cu/PVC 1Cx2.0mm SQMM-0.6/1kV
43	CV2.6mm	Cu/PVC 1Cx2.6mm SQMM-0.6/1kV
44	CV3.0mm	Cu/PVC 1Cx3.0mm SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



46	CXV1C	Cáp điện bọc 1 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv
47	CXV1C1.5	Cu/XLPE/PVC 1Cx1.5 SQMM-0.6/1kv
48	CXV1C2.5	Cu/XLPE/PVC 1Cx2.5 SQMM-0.6/1kv
49	CXV1C4	Cu/XLPE/PVC 1Cx4 SQMM-0.6/1kv
50	CXV1C6	Cu/XLPE/PVC 1Cx6 SQMM-0.6/1kv
51	CXV1C10	Cu/XLPE/PVC 1Cx10 SQMM-0.6/1kv
52	CXV1C16	Cu/XLPE/PVC 1Cx16 SQMM-0.6/1kv
53	CXV1C25	Cu/XLPE/PVC 1Cx25 SQMM-0.6/1kv
54	CXV1C35	Cu/XLPE/PVC 1Cx35 SQMM-0.6/1kv
55	CXV1C50	Cu/XLPE/PVC 1Cx50 SQMM-0.6/1kv
56	CXV1C70	Cu/XLPE/PVC 1Cx70 SQMM-0.6/1kv
57	CXV1C95	Cu/XLPE/PVC 1Cx95 SQMM-0.6/1kv
58	CXV1C120	Cu/XLPE/PVC 1Cx120 SQMM-0.6/1kv
59	CXV1C150	Cu/XLPE/PVC 1Cx150 SQMM-0.6/1kv
60	CXV1C185	Cu/XLPE/PVC 1Cx185 SQMM-0.6/1kv
61	CXV1C240	Cu/XLPE/PVC 1Cx240 SQMM-0.6/1kv
62	CXV1C300	Cu/XLPE/PVC 1Cx300 SQMM-0.6/1kv
63	CXV1C400	Cu/XLPE/PVC 1Cx400 SQMM-0.6/1kv
64	CXV1C500	Cu/XLPE/PVC 1Cx500 SQMM-0.6/1kv
65	CXV1C630	Cu/XLPE/PVC 1Cx630 SQMM-0.6/1kv
66	CXV1C1.25	Cu/XLPE/PVC 1Cx1.25 SQMM-0.6/1kv
67	CXV1C2	Cu/XLPE/PVC 1Cx2 SQMM-0.6/1kv
68	CXV1C3.5	Cu/XLPE/PVC 1Cx3.5 SQMM-0.6/1kv
69	CXV1C5.5	Cu/XLPE/PVC 1Cx5.5 SQMM-0.6/1kv
70	CXV1C8	Cu/XLPE/PVC 1Cx8 SQMM-0.6/1kv
71	CXV1C11	Cu/XLPE/PVC 1Cx11 SQMM-0.6/1kv
72	CXV1C14	Cu/XLPE/PVC 1Cx14 SQMM-0.6/1kv
73	CXV1C22	Cu/XLPE/PVC 1Cx22 SQMM-0.6/1kv
74	CXV1C30	Cu/XLPE/PVC 1Cx30 SQMM-0.6/1kv
75	CXV1C38	Cu/XLPE/PVC 1Cx38 SQMM-0.6/1kv
76	CXV1C60	Cu/XLPE/PVC 1Cx60 SQMM-0.6/1kv
77	CXV1C80	Cu/XLPE/PVC 1Cx80 SQMM-0.6/1kv
78	CXV1C100	Cu/XLPE/PVC 1Cx100 SQMM-0.6/1kv
79	CXV1C125	Cu/XLPE/PVC 1Cx125 SQMM-0.6/1kv
80	CXV1C200	Cu/XLPE/PVC 1Cx200 SQMM-0.6/1kv
81	CXV1C250	Cu/XLPE/PVC 1Cx250 SQMM-0.6/1kv
82	CXV1C325	Cu/XLPE/PVC 1Cx325 SQMM-0.6/1kv
83	CXV1C400j	Cu/XLPE/PVC 1Cx400j SQMM-0.6/1kv
84	CXV1C500j	Cu/XLPE/PVC 1Cx500j SQMM-0.6/1kv
86	CXV2C	Cáp điện bọc 2 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv
87	CXV2C1.5	Cu/XLPE/PVC 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kv
88	CXV2C2.5	Cu/XLPE/PVC 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kv
89	CXV2C4	Cu/XLPE/PVC 2Cx4 SQMM-0.6/1kv
90	CXV2C6	Cu/XLPE/PVC 2Cx6 SQMM-0.6/1kv
91	CXV2C10	Cu/XLPE/PVC 2Cx10 SQMM-0.6/1kv
92	CXV2C16	Cu/XLPE/PVC 2Cx16 SQMM-0.6/1kv
93	CXV2C25	Cu/XLPE/PVC 2Cx25 SQMM-0.6/1kv
94	CXV2C35	Cu/XLPE/PVC 2Cx35 SQMM-0.6/1kv
95	CXV2C50	Cu/XLPE/PVC 2Cx50 SQMM-0.6/1kv
96	CXV2C70	Cu/XLPE/PVC 2Cx70 SQMM-0.6/1kv
97	CXV2C95	Cu/XLPE/PVC 2Cx95 SQMM-0.6/1kv
98	CXV2C120	Cu/XLPE/PVC 2Cx120 SQMM-0.6/1kv



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



99	CXV2C150	Cu/XLPE/PVC 2Cx150 SQMM-0.6/1kV
100	CXV2C185	Cu/XLPE/PVC 2Cx185 SQMM-0.6/1kV
101	CXV2C240	Cu/XLPE/PVC 2Cx240 SQMM-0.6/1kV
102	CXV2C300	Cu/XLPE/PVC 2Cx300 SQMM-0.6/1kV
103	CXV2C400	Cu/XLPE/PVC 2Cx400 SQMM-0.6/1kV
104	CXV2C1.25	Cu/XLPE/PVC 2Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
105	CXV2C2	Cu/XLPE/PVC 2Cx2 SQMM-0.6/1kV
106	CXV2C3.5	Cu/XLPE/PVC 2Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
107	CXV2C5.5	Cu/XLPE/PVC 2Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
108	CXV2C8	Cu/XLPE/PVC 2Cx8 SQMM-0.6/1kV
109	CXV2C11	Cu/XLPE/PVC 2Cx11 SQMM-0.6/1kV
110	CXV2C14	Cu/XLPE/PVC 2Cx14 SQMM-0.6/1kV
111	CXV2C22	Cu/XLPE/PVC 2Cx22 SQMM-0.6/1kV
112	CXV2C30	Cu/XLPE/PVC 2Cx30 SQMM-0.6/1kV
113	CXV2C38	Cu/XLPE/PVC 2Cx38 SQMM-0.6/1kV
114	CXV2C60	Cu/XLPE/PVC 2Cx60 SQMM-0.6/1kV
115	CXV2C80	Cu/XLPE/PVC 2Cx80 SQMM-0.6/1kV
116	CXV2C100	Cu/XLPE/PVC 2Cx100 SQMM-0.6/1kV
117	CXV2C125	Cu/XLPE/PVC 2Cx125 SQMM-0.6/1kV
118	CXV2C200	Cu/XLPE/PVC 2Cx200 SQMM-0.6/1kV
119	CXV2C250	Cu/XLPE/PVC 2Cx250 SQMM-0.6/1kV
120	CXV2C325	Cu/XLPE/PVC 2Cx325 SQMM-0.6/1kV
122	CXV3C	Cáp điện bọc 3 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv
123	CXV3C1.5	Cu/XLPE/PVC 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
124	CXV3C2.5	Cu/XLPE/PVC 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
125	CXV3C4	Cu/XLPE/PVC 3Cx4 SQMM-0.6/1kV
126	CXV3C6	Cu/XLPE/PVC 3Cx6 SQMM-0.6/1kV
127	CXV3C10	Cu/XLPE/PVC 3Cx10 SQMM-0.6/1kV
128	CXV3C16	Cu/XLPE/PVC 3Cx16 SQMM-0.6/1kV
129	CXV3C25	Cu/XLPE/PVC 3Cx25 SQMM-0.6/1kV
130	CXV3C35	Cu/XLPE/PVC 3Cx35 SQMM-0.6/1kV
131	CXV3C50	Cu/XLPE/PVC 3Cx50 SQMM-0.6/1kV
132	CXV3C70	Cu/XLPE/PVC 3Cx70 SQMM-0.6/1kV
133	CXV3C95	Cu/XLPE/PVC 3Cx95 SQMM-0.6/1kV
134	CXV3C120	Cu/XLPE/PVC 3Cx120 SQMM-0.6/1kV
135	CXV3C150	Cu/XLPE/PVC 3Cx150 SQMM-0.6/1kV
136	CXV3C185	Cu/XLPE/PVC 3Cx185 SQMM-0.6/1kV
137	CXV3C240	Cu/XLPE/PVC 3Cx240 SQMM-0.6/1kV
138	CXV3C300	Cu/XLPE/PVC 3Cx300 SQMM-0.6/1kV
139	CXV3C400	Cu/XLPE/PVC 3Cx400 SQMM-0.6/1kV
140	CXV3C1.25	Cu/XLPE/PVC 3Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
141	CXV3C2	Cu/XLPE/PVC 3Cx2 SQMM-0.6/1kV
142	CXV3C3.5	Cu/XLPE/PVC 3Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
143	CXV3C5.5	Cu/XLPE/PVC 3Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
144	CXV3C8	Cu/XLPE/PVC 3Cx8 SQMM-0.6/1kV
145	CXV3C11	Cu/XLPE/PVC 3Cx11 SQMM-0.6/1kV
146	CXV3C14	Cu/XLPE/PVC 3Cx14 SQMM-0.6/1kV
147	CXV3C22	Cu/XLPE/PVC 3Cx22 SQMM-0.6/1kV
148	CXV3C30	Cu/XLPE/PVC 3Cx30 SQMM-0.6/1kV
149	CXV3C38	Cu/XLPE/PVC 3Cx38 SQMM-0.6/1kV
150	CXV3C60	Cu/XLPE/PVC 3Cx60 SQMM-0.6/1kV
151	CXV3C80	Cu/XLPE/PVC 3Cx80 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

152	CXV3C100	Cu/XLPE/PVC 3Cx100 SQMM-0.6/1kV
153	CXV3C125	Cu/XLPE/PVC 3Cx125 SQMM-0.6/1kV
154	CXV3C200	Cu/XLPE/PVC 3Cx200 SQMM-0.6/1kV
155	CXV3C250	Cu/XLPE/PVC 3Cx250 SQMM-0.6/1kV
156	CXV3C325	Cu/XLPE/PVC 3Cx325 SQMM-0.6/1kV
158	CXV4C	Cáp điện bọc 4 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv
159	CXV4C1.5	Cu/XLPE/PVC 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
160	CXV4C2.5	Cu/XLPE/PVC 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
161	CXV4C4	Cu/XLPE/PVC 4Cx4 SQMM-0.6/1kV
162	CXV4C6	Cu/XLPE/PVC 4Cx6 SQMM-0.6/1kV
163	CXV4C10	Cu/XLPE/PVC 4Cx10 SQMM-0.6/1kV
164	CXV4C16	Cu/XLPE/PVC 4Cx16 SQMM-0.6/1kV
165	CXV4C25	Cu/XLPE/PVC 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
166	CXV4C35	Cu/XLPE/PVC 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
167	CXV4C50	Cu/XLPE/PVC 4Cx50 SQMM-0.6/1kV
168	CXV4C70	Cu/XLPE/PVC 4Cx70 SQMM-0.6/1kV
169	CXV4C95	Cu/XLPE/PVC 4Cx95 SQMM-0.6/1kV
170	CXV4C120	Cu/XLPE/PVC 4Cx120 SQMM-0.6/1kV
171	CXV4C150	Cu/XLPE/PVC 4Cx150 SQMM-0.6/1kV
172	CXV4C185	Cu/XLPE/PVC 4Cx185 SQMM-0.6/1kV
173	CXV4C240	Cu/XLPE/PVC 4Cx240 SQMM-0.6/1kV
174	CXV4C300	Cu/XLPE/PVC 4Cx300 SQMM-0.6/1kV
175	CXV4C400	Cu/XLPE/PVC 4Cx400 SQMM-0.6/1kV
176	CXV4C1.25	Cu/XLPE/PVC 4Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
177	CXV4C2	Cu/XLPE/PVC 4Cx2 SQMM-0.6/1kV
178	CXV4C3.5	Cu/XLPE/PVC 4Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
179	CXV4C5.5	Cu/XLPE/PVC 4Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
180	CXV4C8	Cu/XLPE/PVC 4Cx8 SQMM-0.6/1kV
181	CXV4C11	Cu/XLPE/PVC 4Cx11 SQMM-0.6/1kV
182	CXV4C14	Cu/XLPE/PVC 4Cx14 SQMM-0.6/1kV
183	CXV4C22	Cu/XLPE/PVC 4Cx22 SQMM-0.6/1kV
184	CXV4C30	Cu/XLPE/PVC 4Cx30 SQMM-0.6/1kV
185	CXV4C38	Cu/XLPE/PVC 4Cx38 SQMM-0.6/1kV
186	CXV4C60	Cu/XLPE/PVC 4Cx60 SQMM-0.6/1kV
187	CXV4C80	Cu/XLPE/PVC 4Cx80 SQMM-0.6/1kV
188	CXV4C100	Cu/XLPE/PVC 4Cx100 SQMM-0.6/1kV
189	CXV4C125	Cu/XLPE/PVC 4Cx125 SQMM-0.6/1kV
190	CXV4C200	Cu/XLPE/PVC 4Cx200 SQMM-0.6/1kV
191	CXV4C250	Cu/XLPE/PVC 4Cx250 SQMM-0.6/1kV
192	CXV4C325	Cu/XLPE/PVC 4Cx325 SQMM-0.6/1kV
194	CXV	Cáp điện bọc 4(3+1/2) lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv
195	CXV3Cx16+1Cx10	CXV 4C(3Cx16+1Cx10) SQMM-0.6/1kV
196	CXV3Cx25+1Cx16	CXV 4C(3Cx25+1Cx16) SQMM-0.6/1kV
197	CXV3Cx35+1Cx16	CXV 4C(3Cx35+1Cx16) SQMM-0.6/1kV
198	CXV3Cx35+1Cx25	CXV 4C(3Cx35+1Cx25) SQMM-0.6/1kV
199	CXV3Cx50+1Cx25	CXV 4C(3Cx50+1Cx25) SQMM-0.6/1kV
200	CXV3Cx50+1Cx35	CXV 4C(3Cx50+1Cx35) SQMM-0.6/1kV
201	CXV3Cx70+1Cx35	CXV 4C(3Cx70+1Cx35) SQMM-0.6/1kV
202	CXV3Cx70+1Cx50	CXV 4C(3Cx70+1Cx50) SQMM-0.6/1kV
203	CXV3Cx95+1Cx50	CXV 4C(3Cx95+1Cx50) SQMM-0.6/1kV
204	CXV3Cx95+1Cx70	CXV 4C(3Cx95+1Cx70) SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM
TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai
VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



205	CXV3Cx120+1Cx70	CXV 4C(3Cx120+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
206	CXV3Cx120+1Cx95	CXV 4C(3Cx120+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
207	CXV3Cx150+1Cx70	CXV 4C(3Cx150+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
208	CXV3Cx150+1Cx95	CXV 4C(3Cx150+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
209	CXV3Cx150+1Cx120	CXV 4C(3Cx150+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
210	CXV3Cx185+1Cx95	CXV 4C(3Cx185+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
211	CXV3Cx185+1Cx120	CXV 4C(3Cx185+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
212	CXV3Cx240+1Cx120	CXV 4C(3Cx240+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
213	CXV3Cx240+1Cx150	CXV 4C(3Cx240+1Cx150) SQMM-0.6/1kV
214	CXV3Cx300+1Cx150	CXV 4C(3Cx300+1Cx150) SQMM-0.6/1kV
215	CXV3Cx300+1Cx185	CXV 4C(3Cx300+1Cx185) SQMM-0.6/1kV
216	CXV3Cx300+1Cx240	CXV 4C(3Cx300+1Cx240) SQMM-0.6/1kV
217	CXV3Cx400+1Cx240	CXV 4C(3Cx400+1Cx240) SQMM-0.6/1kV
218	CXV3Cx400+1Cx300	CXV 4C(3Cx400+1Cx300) SQMM-0.6/1kV
220	CXVDSTA2C	Cáp điện bọc 2 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv có giáp bằng thép
221	CXVDSTA2C1.5	CXV/DSTA 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
222	CXVDSTA2C2.5	CXV/DSTA 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
223	CXVDSTA2C4	CXV/DSTA 2Cx4 SQMM-0.6/1kV
224	CXVDSTA2C6	CXV/DSTA 2Cx6 SQMM-0.6/1kV
225	CXVDSTA2C10	CXV/DSTA 2Cx10 SQMM-0.6/1kV
226	CXVDSTA2C16	CXV/DSTA 2Cx16 SQMM-0.6/1kV
227	CXVDSTA2C25	CXV/DSTA 2Cx25 SQMM-0.6/1kV
228	CXVDSTA2C35	CXV/DSTA 2Cx35 SQMM-0.6/1kV
229	CXVDSTA2C50	CXV/DSTA 2Cx50 SQMM-0.6/1kV
230	CXVDSTA2C70	CXV/DSTA 2Cx70 SQMM-0.6/1kV
231	CXVDSTA2C95	CXV/DSTA 2Cx95 SQMM-0.6/1kV
232	CXVDSTA2C120	CXV/DSTA 2Cx120 SQMM-0.6/1kV
233	CXVDSTA2C150	CXV/DSTA 2Cx150 SQMM-0.6/1kV
234	CXVDSTA2C185	CXV/DSTA 2Cx185 SQMM-0.6/1kV
235	CXVDSTA2C240	CXV/DSTA 2Cx240 SQMM-0.6/1kV
236	CXVDSTA2C300	CXV/DSTA 2Cx300 SQMM-0.6/1kV
237	CXVDSTA2C400	CXV/DSTA 2Cx400 SQMM-0.6/1kV
238	CXVDSTA2C1.25	CXV/DSTA 2Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
239	CXVDSTA2C2	CXV/DSTA 2Cx2 SQMM-0.6/1kV
240	CXVDSTA2C3.5	CXV/DSTA 2Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
241	CXVDSTA2C5.5	CXV/DSTA 2Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
242	CXVDSTA2C8	CXV/DSTA 2Cx8 SQMM-0.6/1kV
243	CXVDSTA2C11	CXV/DSTA 2Cx11 SQMM-0.6/1kV
244	CXVDSTA2C14	CXV/DSTA 2Cx14 SQMM-0.6/1kV
245	CXVDSTA2C22	CXV/DSTA 2Cx22 SQMM-0.6/1kV
246	CXVDSTA2C30	CXV/DSTA 2Cx30 SQMM-0.6/1kV
247	CXVDSTA2C38	CXV/DSTA 2Cx38 SQMM-0.6/1kV
248	CXVDSTA2C60	CXV/DSTA 2Cx60 SQMM-0.6/1kV
249	CXVDSTA2C80	CXV/DSTA 2Cx80 SQMM-0.6/1kV
250	CXVDSTA2C100	CXV/DSTA 2Cx100 SQMM-0.6/1kV
251	CXVDSTA2C125	CXV/DSTA 2Cx125 SQMM-0.6/1kV
252	CXVDSTA2C200	CXV/DSTA 2Cx200 SQMM-0.6/1kV
253	CXVDSTA2C250	CXV/DSTA 2Cx250 SQMM-0.6/1kV
254	CXVDSTA2C325	CXV/DSTA 2Cx325 SQMM-0.6/1kV
255		
256	CXVDSTA3C	Cáp điện bọc 3 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv có giáp bằng thép
257	CXVDSTA3C1.5	CXV/DSTA 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM
TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai
VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



258	CXVDSTA3C2.5	CXV/DSTA 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
259	CXVDSTA3C4	CXV/DSTA 3Cx4 SQMM-0.6/1kV
260	CXVDSTA3C6	CXV/DSTA 3Cx6 SQMM-0.6/1kV
261	CXVDSTA3C10	CXV/DSTA 3Cx10 SQMM-0.6/1kV
262	CXVDSTA3C16	CXV/DSTA 3Cx16 SQMM-0.6/1kV
263	CXVDSTA3C25	CXV/DSTA 3Cx25 SQMM-0.6/1kV
264	CXVDSTA3C35	CXV/DSTA 3Cx35 SQMM-0.6/1kV
265	CXVDSTA3C50	CXV/DSTA 3Cx50 SQMM-0.6/1kV
266	CXVDSTA3C70	CXV/DSTA 3Cx70 SQMM-0.6/1kV
267	CXVDSTA3C95	CXV/DSTA 3Cx95 SQMM-0.6/1kV
268	CXVDSTA3C120	CXV/DSTA 3Cx120 SQMM-0.6/1kV
269	CXVDSTA3C150	CXV/DSTA 3Cx150 SQMM-0.6/1kV
270	CXVDSTA3C185	CXV/DSTA 3Cx185 SQMM-0.6/1kV
271	CXVDSTA3C240	CXV/DSTA 3Cx240 SQMM-0.6/1kV
272	CXVDSTA3C300	CXV/DSTA 3Cx300 SQMM-0.6/1kV
273	CXVDSTA3C400	CXV/DSTA 3Cx400 SQMM-0.6/1kV
274	CXVDSTA3C1.25	CXV/DSTA 3Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
275	CXVDSTA3C2	CXV/DSTA 3Cx2 SQMM-0.6/1kV
276	CXVDSTA3C3.5	CXV/DSTA 3Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
277	CXVDSTA3C5.5	CXV/DSTA 3Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
278	CXVDSTA3C8	CXV/DSTA 3Cx8 SQMM-0.6/1kV
279	CXVDSTA3C11	CXV/DSTA 3Cx11 SQMM-0.6/1kV
280	CXVDSTA3C14	CXV/DSTA 3Cx14 SQMM-0.6/1kV
281	CXVDSTA3C22	CXV/DSTA 3Cx22 SQMM-0.6/1kV
282	CXVDSTA3C30	CXV/DSTA 3Cx30 SQMM-0.6/1kV
283	CXVDSTA3C38	CXV/DSTA 3Cx38 SQMM-0.6/1kV
284	CXVDSTA3C60	CXV/DSTA 3Cx60 SQMM-0.6/1kV
285	CXVDSTA3C80	CXV/DSTA 3Cx80 SQMM-0.6/1kV
286	CXVDSTA3C100	CXV/DSTA 3Cx100 SQMM-0.6/1kV
288	CXVDSTA4C	Cáp điện bọc 4 lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv có giáp bằng thép
289	CXVDSTA4C1.5	CXV/DSTA 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
290	CXVDSTA4C2.5	CXV/DSTA 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
291	CXVDSTA4C4	CXV/DSTA 4Cx4 SQMM-0.6/1kV
292	CXVDSTA4C6	CXV/DSTA 4Cx6 SQMM-0.6/1kV
293	CXVDSTA4C10	CXV/DSTA 4Cx10 SQMM-0.6/1kV
294	CXVDSTA4C16	CXV/DSTA 4Cx16 SQMM-0.6/1kV
295	CXVDSTA4C25	CXV/DSTA 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
296	CXVDSTA4C35	CXV/DSTA 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
297	CXVDSTA4C50	CXV/DSTA 4Cx50 SQMM-0.6/1kV
298	CXVDSTA4C70	CXV/DSTA 4Cx70 SQMM-0.6/1kV
299	CXVDSTA4C95	CXV/DSTA 4Cx95 SQMM-0.6/1kV
300	CXVDSTA4C120	CXV/DSTA 4Cx120 SQMM-0.6/1kV
301	CXVDSTA4C150	CXV/DSTA 4Cx150 SQMM-0.6/1kV
302	CXVDSTA4C185	CXV/DSTA 4Cx185 SQMM-0.6/1kV
303	CXVDSTA4C240	CXV/DSTA 4Cx240 SQMM-0.6/1kV
304	CXVDSTA4C300	CXV/DSTA 4Cx300 SQMM-0.6/1kV
305	CXVDSTA4C400	CXV/DSTA 4Cx400 SQMM-0.6/1kV
306	CXVDSTA4C1.25	CXV/DSTA 4Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
307	CXVDSTA4C2	CXV/DSTA 4Cx2 SQMM-0.6/1kV
308	CXVDSTA4C3.5	CXV/DSTA 4Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
309	CXVDSTA4C5.5	CXV/DSTA 4Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
310	CXVDSTA4C8	CXV/DSTA 4Cx8 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vnISO-9001-2000
HT Quản Lý Chất Lượng

311	CXVDSTA4C11	CXV/DSTA 4Cx11 SQMM-0.6/1kV
312	CXVDSTA4C14	CXV/DSTA 4Cx14 SQMM-0.6/1kV
313	CXVDSTA4C22	CXV/DSTA 4Cx22 SQMM-0.6/1kV
314	CXVDSTA4C30	CXV/DSTA 4Cx30 SQMM-0.6/1kV
315	CXVDSTA4C38	CXV/DSTA 4Cx38 SQMM-0.6/1kV
316	CXVDSTA4C60	CXV/DSTA 4Cx60 SQMM-0.6/1kV
317	CXVDSTA4C80	CXV/DSTA 4Cx80 SQMM-0.6/1kV
318	CXVDSTA4C100	CXV/DSTA 4Cx100 SQMM-0.6/1kV
319	CXVDSTA4C125	CXV/DSTA 4Cx125 SQMM-0.6/1kV
320	CXVDSTA4C200	CXV/DSTA 4Cx200 SQMM-0.6/1kV
321	CXVDSTA4C250	CXV/DSTA 4Cx250 SQMM-0.6/1kV
322	CXVDSTA4C325	CXV/DSTA 4Cx325 SQMM-0.6/1kV
324	CXVDSTA	Cáp điện bọc 4(3+1/2) lõi Cu/XLPE/ PVC 0.6/1kv có giáp bằng thép.
325	CXVDSTA3Cx16+1Cx10	CXV/DSTA 4C(3Cx16+1Cx10) SQMM-0.6/1kV
326	CXVDSTA3Cx25+1Cx16	CXV/DSTA 4C(3Cx25+1Cx16) SQMM-0.6/1kV
327	CXVDSTA3Cx35+1Cx16	CXV/DSTA 4C(3Cx35+1Cx16) SQMM-0.6/1kV
328	CXVDSTA3Cx35+1Cx25	CXV/DSTA 4C(3Cx35+1Cx25) SQMM-0.6/1kV
329	CXVDSTA3Cx50+1Cx25	CXV/DSTA 4C(3Cx50+1Cx25) SQMM-0.6/1kV
330	CXVDSTA3Cx50+1Cx35	CXV/DSTA 4C(3Cx50+1Cx35) SQMM-0.6/1kV
331	CXVDSTA3Cx70+1Cx35	CXV/DSTA 4C(3Cx70+1Cx35) SQMM-0.6/1kV
332	CXVDSTA3Cx70+1Cx50	CXV/DSTA 4C(3Cx70+1Cx50) SQMM-0.6/1kV
333	CXVDSTA3Cx95+1Cx50	CXV/DSTA 4C(3Cx95+1Cx50) SQMM-0.6/1kV
334	CXVDSTA3Cx95+1Cx70	CXV/DSTA 4C(3Cx95+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
335	CXVDSTA3Cx120+1Cx70	CXV/DSTA 4C(3Cx120+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
336	CXVDSTA3Cx120+1Cx95	CXV/DSTA 4C(3Cx120+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
337	CXVDSTA3Cx150+1Cx70	CXV/DSTA 4C(3Cx150+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
338	CXVDSTA3Cx150+1Cx95	CXV/DSTA 4C(3Cx150+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
339	CXVDSTA3Cx150+1Cx120	CXV/DSTA 4C(3Cx150+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
340	CXVDSTA3Cx185+1Cx95	CXV/DSTA 4C(3Cx185+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
341	CXVDSTA3Cx185+1Cx120	CXV/DSTA 4C(3Cx185+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
342	CXVDSTA3Cx240+1Cx120	CXV/DSTA 4C(3Cx240+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
343	CXVDSTA3Cx240+1Cx150	CXV/DSTA 4C(3Cx240+1Cx150) SQMM-0.6/1kV
344	CXVDSTA3Cx300+1Cx150	CXV/DSTA 4C(3Cx300+1Cx150) SQMM-0.6/1kV
345	CXVDSTA3Cx300+1Cx185	CXV/DSTA 4C(3Cx300+1Cx185) SQMM-0.6/1kV
346	CXVDSTA3Cx300+1Cx240	CXV/DSTA 4C(3Cx300+1Cx240) SQMM-0.6/1kV
347	CXVDSTA3Cx400+1Cx240	CXV/DSTA 4C(3Cx400+1Cx240) SQMM-0.6/1kV
348	CXVDSTA3Cx400+1Cx300	CXV/DSTA 4C(3Cx400+1Cx300) SQMM-0.6/1kV
349	CVV1C	Cáp điện bọc 1 lõi Cu/PVC/ PVC 0.6/1kv
350	CVV1C1.5	Cu/PVC/PVC 1Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
351	CVV1C2.5	Cu/PVC/PVC 1Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
352	CVV1C4	Cu/PVC/PVC 1Cx4 SQMM-0.6/1kV
353	CVV1C6	Cu/PVC/PVC 1Cx6 SQMM-0.6/1kV
354	CVV1C10	Cu/PVC/PVC 1Cx10 SQMM-0.6/1kV
355	CVV1C16	Cu/PVC/PVC 1Cx16 SQMM-0.6/1kV
356	CVV1C25	Cu/PVC/PVC 1Cx25 SQMM-0.6/1kV
357	CVV1C35	Cu/PVC/PVC 1Cx35 SQMM-0.6/1kV
358	CVV1C50	Cu/PVC/PVC 1Cx50 SQMM-0.6/1kV
359	CVV1C70	Cu/PVC/PVC 1Cx70 SQMM-0.6/1kV
360	CVV1C95	Cu/PVC/PVC 1Cx95 SQMM-0.6/1kV
361	CVV1C120	Cu/PVC/PVC 1Cx120 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM
TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai
VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



362	CVV1C150	Cu/PVC/PVC 1Cx150 SQMM-0.6/1kV
363	CVV1C185	Cu/PVC/PVC 1Cx185 SQMM-0.6/1kV
364	CVV1C240	Cu/PVC/PVC 1Cx240 SQMM-0.6/1kV
365	CVV1C300	Cu/PVC/PVC 1Cx300 SQMM-0.6/1kV
366	CVV1C400	Cu/PVC/PVC 1Cx400 SQMM-0.6/1kV
367	CVV1C500	Cu/PVC/PVC 1Cx500 SQMM-0.6/1kV
368	CVV1C630	Cu/PVC/PVC 1Cx630 SQMM-0.6/1kV
369	CVV1C1.25	Cu/PVC/PVC 1Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
370	CVV1C2	Cu/PVC/PVC 1Cx2 SQMM-0.6/1kV
371	CVV1C3.5	Cu/PVC/PVC 1Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
372	CVV1C5.5	Cu/PVC/PVC 1Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
373	CVV1C8	Cu/PVC/PVC 1Cx8 SQMM-0.6/1kV
374	CVV1C11	Cu/PVC/PVC 1Cx11 SQMM-0.6/1kV
375	CVV1C14	Cu/PVC/PVC 1Cx14 SQMM-0.6/1kV
376	CVV1C22	Cu/PVC/PVC 1Cx22 SQMM-0.6/1kV
377	CVV1C30	Cu/PVC/PVC 1Cx30 SQMM-0.6/1kV
378	CVV1C38	Cu/PVC/PVC 1Cx38 SQMM-0.6/1kV
379	CVV1C60	Cu/PVC/PVC 1Cx60 SQMM-0.6/1kV
380	CVV1C80	Cu/PVC/PVC 1Cx80 SQMM-0.6/1kV
381	CVV1C100	Cu/PVC/PVC 1Cx100 SQMM-0.6/1kV
382	CVV1C125	Cu/PVC/PVC 1Cx125 SQMM-0.6/1kV
383	CVV1C200	Cu/PVC/PVC 1Cx200 SQMM-0.6/1kV
384	CVV1C250	Cu/PVC/PVC 1Cx250 SQMM-0.6/1kV
385	CVV1C325	Cu/PVC/PVC 1Cx325 SQMM-0.6/1kV
386	CVV1C400j	Cu/PVC/PVC 1Cx400j SQMM-0.6/1kV
387	CVV1C500j	Cu/PVC/PVC 1Cx500j SQMM-0.6/1kV
389	CVV2C	Cáp điện bọc 2 lõi Cu/PVC/ PVC 0.6/1kv
390	CVV2C1.5	Cu/PVC/PVC 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
391	CVV2C2.5	Cu/PVC/PVC 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
392	CVV2C4	Cu/PVC/PVC 2Cx4 SQMM-0.6/1kV
393	CVV2C6	Cu/PVC/PVC 2Cx6 SQMM-0.6/1kV
394	CVV2C10	Cu/PVC/PVC 2Cx10 SQMM-0.6/1kV
395	CVV2C16	Cu/PVC/PVC 2Cx16 SQMM-0.6/1kV
396	CVV2C25	Cu/PVC/PVC 2Cx25 SQMM-0.6/1kV
397	CVV2C35	Cu/PVC/PVC 2Cx35 SQMM-0.6/1kV
398	CVV2C50	Cu/PVC/PVC 2Cx50 SQMM-0.6/1kV
399	CVV2C70	Cu/PVC/PVC 2Cx70 SQMM-0.6/1kV
400	CVV2C95	Cu/PVC/PVC 2Cx95 SQMM-0.6/1kV
401	CVV2C120	Cu/PVC/PVC 2Cx120 SQMM-0.6/1kV
402	CVV2C150	Cu/PVC/PVC 2Cx150 SQMM-0.6/1kV
403	CVV2C185	Cu/PVC/PVC 2Cx185 SQMM-0.6/1kV
404	CVV2C240	Cu/PVC/PVC 2Cx240 SQMM-0.6/1kV
405	CVV2C300	Cu/PVC/PVC 2Cx300 SQMM-0.6/1kV
406	CVV2C400	Cu/PVC/PVC 2Cx400 SQMM-0.6/1kV
407	CVV2C1.25	Cu/PVC/PVC 2Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
408	CVV2C2	Cu/PVC/PVC 2Cx2 SQMM-0.6/1kV
409	CVV2C3.5	Cu/PVC/PVC 2Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
410	CVV2C5.5	Cu/PVC/PVC 2Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
411	CVV2C8	Cu/PVC/PVC 2Cx8 SQMM-0.6/1kV
412	CVV2C11	Cu/PVC/PVC 2Cx11 SQMM-0.6/1kV
413	CVV2C14	Cu/PVC/PVC 2Cx14 SQMM-0.6/1kV
414	CVV2C22	Cu/PVC/PVC 2Cx22 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



415	CVV2C30	Cu/PVC/PVC 2Cx30 SQMM-0.6/1kV
416	CVV2C38	Cu/PVC/PVC 2Cx38 SQMM-0.6/1kV
417	CVV2C60	Cu/PVC/PVC 2Cx60 SQMM-0.6/1kV
418	CVV2C80	Cu/PVC/PVC 2Cx80 SQMM-0.6/1kV
419	CVV2C100	Cu/PVC/PVC 2Cx100 SQMM-0.6/1kV
420	CVV2C125	Cu/PVC/PVC 2Cx125 SQMM-0.6/1kV
421	CVV2C200	Cu/PVC/PVC 2Cx200 SQMM-0.6/1kV
422	CVV2C250	Cu/PVC/PVC 2Cx250 SQMM-0.6/1kV
423	CVV2C325	Cu/PVC/PVC 2Cx325 SQMM-0.6/1kV
425	CVV3C	Cáp điện bọc 3 lõi Cu/PVC/ PVC 0.6/1kv
426	CVV3C1.5	Cu/PVC/PVC 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
427	CVV3C2.5	Cu/PVC/PVC 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
428	CVV3C4	Cu/PVC/PVC 3Cx4 SQMM-0.6/1kV
429	CVV3C6	Cu/PVC/PVC 3Cx6 SQMM-0.6/1kV
430	CVV3C10	Cu/PVC/PVC 3Cx10 SQMM-0.6/1kV
431	CVV3C16	Cu/PVC/PVC 3Cx16 SQMM-0.6/1kV
432	CVV3C25	Cu/PVC/PVC 3Cx25 SQMM-0.6/1kV
433	CVV3C35	Cu/PVC/PVC 3Cx35 SQMM-0.6/1kV
434	CVV3C50	Cu/PVC/PVC 3Cx50 SQMM-0.6/1kV
435	CVV3C70	Cu/PVC/PVC 3Cx70 SQMM-0.6/1kV
436	CVV3C95	Cu/PVC/PVC 3Cx95 SQMM-0.6/1kV
437	CVV3C120	Cu/PVC/PVC 3Cx120 SQMM-0.6/1kV
438	CVV3C150	Cu/PVC/PVC 3Cx150 SQMM-0.6/1kV
439	CVV3C185	Cu/PVC/PVC 3Cx185 SQMM-0.6/1kV
440	CVV3C240	Cu/PVC/PVC 3Cx240 SQMM-0.6/1kV
441	CVV3C300	Cu/PVC/PVC 3Cx300 SQMM-0.6/1kV
442	CVV3C400	Cu/PVC/PVC 3Cx400 SQMM-0.6/1kV
443	CVV3C1.25	Cu/PVC/PVC 3Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
444	CVV3C2	Cu/PVC/PVC 3Cx2 SQMM-0.6/1kV
445	CVV3C3.5	Cu/PVC/PVC 3Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
446	CVV3C5.5	Cu/PVC/PVC 3Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
447	CVV3C8	Cu/PVC/PVC 3Cx8 SQMM-0.6/1kV
448	CVV3C11	Cu/PVC/PVC 3Cx11 SQMM-0.6/1kV
449	CVV3C14	Cu/PVC/PVC 3Cx14 SQMM-0.6/1kV
450	CVV3C22	Cu/PVC/PVC 3Cx22 SQMM-0.6/1kV
451	CVV3C30	Cu/PVC/PVC 3Cx30 SQMM-0.6/1kV
452	CVV3C38	Cu/PVC/PVC 3Cx38 SQMM-0.6/1kV
453	CVV3C60	Cu/PVC/PVC 3Cx60 SQMM-0.6/1kV
454	CVV3C80	Cu/PVC/PVC 3Cx80 SQMM-0.6/1kV
455	CVV3C100	Cu/PVC/PVC 3Cx100 SQMM-0.6/1kV
456	CVV3C125	Cu/PVC/PVC 3Cx125 SQMM-0.6/1kV
457	CVV3C200	Cu/PVC/PVC 3Cx200 SQMM-0.6/1kV
458	CVV3C250	Cu/PVC/PVC 3Cx250 SQMM-0.6/1kV
459	CVV3C325	Cu/PVC/PVC 3Cx325 SQMM-0.6/1kV
461	CVV4C	Cáp điện bọc 4 lõi Cu/PVC/ PVC 0.6/1kv
462	CVV4C1.5	Cu/PVC/PVC 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
463	CVV4C2.5	Cu/PVC/PVC 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
464	CVV4C4	Cu/PVC/PVC 4Cx4 SQMM-0.6/1kV
465	CVV4C6	Cu/PVC/PVC 4Cx6 SQMM-0.6/1kV
466	CVV4C10	Cu/PVC/PVC 4Cx10 SQMM-0.6/1kV
467	CVV4C16	Cu/PVC/PVC 4Cx16 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



ISO-9001-2000
HT Quản Lý Chất Lượng

468	CVV4C25	Cu/PVC/PVC 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
469	CVV4C35	Cu/PVC/PVC 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
470	CVV4C50	Cu/PVC/PVC 4Cx50 SQMM-0.6/1kV
471	CVV4C70	Cu/PVC/PVC 4Cx70 SQMM-0.6/1kV
472	CVV4C95	Cu/PVC/PVC 4Cx95 SQMM-0.6/1kV
473	CVV4C120	Cu/PVC/PVC 4Cx120 SQMM-0.6/1kV
474	CVV4C150	Cu/PVC/PVC 4Cx150 SQMM-0.6/1kV
475	CVV4C185	Cu/PVC/PVC 4Cx185 SQMM-0.6/1kV
476	CVV4C240	Cu/PVC/PVC 4Cx240 SQMM-0.6/1kV
477	CVV4C300	Cu/PVC/PVC 4Cx300 SQMM-0.6/1kV
478	CVV4C400	Cu/PVC/PVC 4Cx400 SQMM-0.6/1kV
479	CVV4C1.25	Cu/PVC/PVC 4Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
480	CVV4C2	Cu/PVC/PVC 4Cx2 SQMM-0.6/1kV
481	CVV4C3.5	Cu/PVC/PVC 4Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
482	CVV4C5.5	Cu/PVC/PVC 4Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
483	CVV4C8	Cu/PVC/PVC 4Cx8 SQMM-0.6/1kV
484	CVV4C11	Cu/PVC/PVC 4Cx11 SQMM-0.6/1kV
485	CVV4C14	Cu/PVC/PVC 4Cx14 SQMM-0.6/1kV
486	CVV4C22	Cu/PVC/PVC 4Cx22 SQMM-0.6/1kV
487	CVV4C30	Cu/PVC/PVC 4Cx30 SQMM-0.6/1kV
488	CVV4C38	Cu/PVC/PVC 4Cx38 SQMM-0.6/1kV
489	CVV4C60	Cu/PVC/PVC 4Cx60 SQMM-0.6/1kV
490	CVV4C80	Cu/PVC/PVC 4Cx80 SQMM-0.6/1kV
491	CVV4C100	Cu/PVC/PVC 4Cx100 SQMM-0.6/1kV
492	CVV4C125	Cu/PVC/PVC 4Cx125 SQMM-0.6/1kV
493	CVV4C200	Cu/PVC/PVC 4Cx200 SQMM-0.6/1kV
494	CVV4C250	Cu/PVC/PVC 4Cx250 SQMM-0.6/1kV
495	CVV4C325	Cu/PVC/PVC 4Cx325 SQMM-0.6/1kV
497	AV	Cáp điện bọc 1 lõi Alu/PVC 0.6/1kv
498	AV10	AL/PVC 1Cx10 SQMM-0.6/1kV
499	AV16	AL/PVC 1Cx16 SQMM-0.6/1kV
500	AV25	AL/PVC 1Cx25 SQMM-0.6/1kV
501	AV35	AL/PVC 1Cx35 SQMM-0.6/1kV
502	AV50	AL/PVC 1Cx50 SQMM-0.6/1kV
503	AV70	AL/PVC 1Cx70 SQMM-0.6/1kV
504	AV95	AL/PVC 1Cx95 SQMM-0.6/1kV
505	AV120	AL/PVC 1Cx120 SQMM-0.6/1kV
506	AV150	AL/PVC 1Cx150 SQMM-0.6/1kV
507	AV185	AL/PVC 1Cx185 SQMM-0.6/1kV
508	AV240	AL/PVC 1Cx240 SQMM-0.6/1kV
509	AV300	AL/PVC 1Cx300 SQMM-0.6/1kV
510	AV400	AL/PVC 1Cx400 SQMM-0.6/1kV
511	AV500	AL/PVC 1Cx500 SQMM-0.6/1kV
512	AV630	AL/PVC 1Cx630 SQMM-0.6/1kV
513	AV1.6mm	AL/PVC 1Cx1.6mm SQMM-0.6/1kV
514	AV2.0mm	AL/PVC 1Cx2.0mm SQMM-0.6/1kV
515	AV2.6mm	AL/PVC 1Cx2.6mm SQMM-0.6/1kV
516	AV3.0mm	AL/PVC 1Cx3.0mm SQMM-0.6/1kV
518	AXV1C	Cáp điện bọc 1 lõi Alu/XLPE/PVC 0.6/1kv
519	AXV1C10	AL/XLPE/PVC 1Cx10 SQMM-0.6/1kV
520	AXV1C16	AL/XLPE/PVC 1Cx16 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)**

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vnISO-9001-2000
HT Quản Lý Chất Lượng

521	AXV1C25	AL/XLPE/PVC 1Cx25 SQMM-0.6/1kV
522	AXV1C35	AL/XLPE/PVC 1Cx35 SQMM-0.6/1kV
523	AXV1C50	AL/XLPE/PVC 1Cx50 SQMM-0.6/1kV
524	AXV1C70	AL/XLPE/PVC 1Cx70 SQMM-0.6/1kV
525	AXV1C95	AL/XLPE/PVC 1Cx95 SQMM-0.6/1kV
526	AXV1C120	AL/XLPE/PVC 1Cx120 SQMM-0.6/1kV
527	AXV1C150	AL/XLPE/PVC 1Cx150 SQMM-0.6/1kV
528	AXV1C185	AL/XLPE/PVC 1Cx185 SQMM-0.6/1kV
529	AXV1C240	AL/XLPE/PVC 1Cx240 SQMM-0.6/1kV
530	AXV1C300	AL/XLPE/PVC 1Cx300 SQMM-0.6/1kV
531	AXV1C400	AL/XLPE/PVC 1Cx400 SQMM-0.6/1kV
532	AXV1C500	AL/XLPE/PVC 1Cx500 SQMM-0.6/1kV
533	AXV1C630	AL/XLPE/PVC 1Cx630 SQMM-0.6/1kV
	ABC	Dây nhôm trần
536	ABC10	DÂY NHÔM TRẦN x10 SQMM
537	ABC16	DÂY NHÔM TRẦN x16 SQMM
538	ABC25	DÂY NHÔM TRẦN x25 SQMM
539	ABC35	DÂY NHÔM TRẦN x35 SQMM
540	ABC50	DÂY NHÔM TRẦN x50 SQMM
541	ABC70	DÂY NHÔM TRẦN x70 SQMM
542	ABC95	DÂY NHÔM TRẦN x95 SQMM
543	ABC120	DÂY NHÔM TRẦN x120 SQMM
544	ABC150	DÂY NHÔM TRẦN x150 SQMM
545	ABC185	DÂY NHÔM TRẦN x185 SQMM
546	ABC240	DÂY NHÔM TRẦN x240 SQMM
547	ABC300	DÂY NHÔM TRẦN x300 SQMM
548	ABC400	DÂY NHÔM TRẦN x400 SQMM
549	ABC500	DÂY NHÔM TRẦN x500 SQMM
550	ABC630	DÂY NHÔM TRẦN x630 SQMM
551	ABC1.6mm	DÂY NHÔM TRẦN x1.6mm
552	ABC2.0mm	DÂY NHÔM TRẦN x2.0mm
553	ABC2.6mm	DÂY NHÔM TRẦN x2.6mm
554	ABC3.0mm	DÂY NHÔM TRẦN x3.0mm
	CBC	Dây đồng trần
557	CBC1.5	DÂY ĐỒNG TRẦN x1.5 SQMM
558	CBC2.5	DÂY ĐỒNG TRẦN x2.5 SQMM
559	CBC4	DÂY ĐỒNG TRẦN x4 SQMM
560	CBC6	DÂY ĐỒNG TRẦN x6 SQMM
561	CBC10	DÂY ĐỒNG TRẦN x10 SQMM
562	CBC16	DÂY ĐỒNG TRẦN x16 SQMM
563	CBC25	DÂY ĐỒNG TRẦN x25 SQMM
564	CBC35	DÂY ĐỒNG TRẦN x35 SQMM
565	CBC50	DÂY ĐỒNG TRẦN x50 SQMM
566	CBC70	DÂY ĐỒNG TRẦN x70 SQMM
567	CBC95	DÂY ĐỒNG TRẦN x95 SQMM
568	CBC120	DÂY ĐỒNG TRẦN x120 SQMM
569	CBC150	DÂY ĐỒNG TRẦN x150 SQMM
570	CBC185	DÂY ĐỒNG TRẦN x185 SQMM
571	CBC240	DÂY ĐỒNG TRẦN x240 SQMM
572	CBC300	DÂY ĐỒNG TRẦN x300 SQMM
573	CBC400	DÂY ĐỒNG TRẦN x400 SQMM



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



574	CBC500	DÂY ĐỒNG TRẦN x500 SQMM
575	CBC630	DÂY ĐỒNG TRẦN x630 SQMM
576	CBC1.25	DÂY ĐỒNG TRẦN x1.25 SQMM
577	CBC2	DÂY ĐỒNG TRẦN x2 SQMM
578	CBC3.5	DÂY ĐỒNG TRẦN x3.5 SQMM
579	CBC5.5	DÂY ĐỒNG TRẦN x5.5 SQMM
580	CBC8	DÂY ĐỒNG TRẦN x8 SQMM
581	CBC11	DÂY ĐỒNG TRẦN x11 SQMM
582	CBC14	DÂY ĐỒNG TRẦN x14 SQMM
583	CBC22	DÂY ĐỒNG TRẦN x22 SQMM
584	CBC30	DÂY ĐỒNG TRẦN x30 SQMM
585	CBC38	DÂY ĐỒNG TRẦN x38 SQMM
586	CBC60	DÂY ĐỒNG TRẦN x60 SQMM
587	CBC80	DÂY ĐỒNG TRẦN x80 SQMM
588	CBC100	DÂY ĐỒNG TRẦN x100 SQMM
589	CBC125	DÂY ĐỒNG TRẦN x125 SQMM
590	CBC150j	DÂY ĐỒNG TRẦN x150j SQMM
591	CBC200	DÂY ĐỒNG TRẦN x200 SQMM
592	CBC250	DÂY ĐỒNG TRẦN x250 SQMM
593	CBC325	DÂY ĐỒNG TRẦN x325 SQMM
594	CBC400j	DÂY ĐỒNG TRẦN x400j SQMM
595	CBC500j	DÂY ĐỒNG TRẦN x500j SQMM
	1.5	Cáp điều khiển CVV n x 1.5SQMM
598	2C1.5	Cu/PVC/PVC 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
599	3C1.5	Cu/PVC/PVC 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
600	4C1.5	Cu/PVC/PVC 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
601	5C1.5	Cu/PVC/PVC 5Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
602	6C1.5	Cu/PVC/PVC 6Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
603	7C1.5	Cu/PVC/PVC 7Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
604	8C1.5	Cu/PVC/PVC 8Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
605	9C1.5	Cu/PVC/PVC 9Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
606	10C1.5	Cu/PVC/PVC 10Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
607	12C1.5	Cu/PVC/PVC 12Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
608	14C1.5	Cu/PVC/PVC 14Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
609	16C1.5	Cu/PVC/PVC 16Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
610	19C1.5	Cu/PVC/PVC 19Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
611	20C1.5	Cu/PVC/PVC 20Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
612	24C1.5	Cu/PVC/PVC 24Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
613	27C1.5	Cu/PVC/PVC 27Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
614	30C1.5	Cu/PVC/PVC 30Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
	1.5s	Cáp điều khiển CVV giáp bằng đồng n x 1.5SQMM
617	2C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
618	3C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
619	4C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
620	5C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 5Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
621	6C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 6Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
622	7C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 7Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
623	8C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 8Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
624	9C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 9Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
625	10C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 10Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
626	12C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 12Cx1.5 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



627	14C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 14Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
628	16C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 16Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
629	19C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 19Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
630	20C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 20Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
631	24C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 24Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
632	27C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 27Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
633	30C1.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 30Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
635	2.5	Cáp điều khiển CVV n x 2.5SQMM
636	2C2.5	Cu/PVC/PVC 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
637	3C2.5	Cu/PVC/PVC 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
638	4C2.5	Cu/PVC/PVC 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
639	5C2.5	Cu/PVC/PVC 5Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
640	6C2.5	Cu/PVC/PVC 6Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
641	7C2.5	Cu/PVC/PVC 7Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
642	8C2.5	Cu/PVC/PVC 8Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
643	9C2.5	Cu/PVC/PVC 9Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
644	10C2.5	Cu/PVC/PVC 10Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
645	12C2.5	Cu/PVC/PVC 12Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
646	14C2.5	Cu/PVC/PVC 14Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
647	16C2.5	Cu/PVC/PVC 16Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
648	19C2.5	Cu/PVC/PVC 19Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
649	20C2.5	Cu/PVC/PVC 20Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
650	24C2.5	Cu/PVC/PVC 24Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
651	27C2.5	Cu/PVC/PVC 27Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
652	30C2.5	Cu/PVC/PVC 30Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
	2.5s	Cáp điều khiển CVV giáp băng đồng n x 2.5SQMM
655	2C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
656	3C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
657	4C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
658	5C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 5Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
659	6C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 6Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
660	7C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 7Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
661	8C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 8Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
662	9C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 9Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
663	10C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 10Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
664	12C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 12Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
665	14C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 14Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
666	16C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 16Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
667	19C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 19Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
668	20C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 20Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
669	24C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 24Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
670	27C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 27Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
671	30C2.5s	Cu/PVC/Sc/PVC 30Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
	4s	Cáp điều khiển CVV giáp băng đồng n x 4.0SQMM
674	4C4s	Cu/PVC/Sc/PVC 4Cx4.0 SQMM-0.6/1kV
	6s	Cáp điều khiển CVV giáp băng đồng n x 6.0SQMM
677	2C6s	Cu/PVC/Sc/PVC 2Cx6.0 SQMM-0.6/1kV
678	4C6s	Cu/PVC/Sc/PVC 4Cx6.0 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)**

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

	MV24DSTA3C	Cáp điện ngầm trung thế 3 lõi Cu/XLPE/DSTA/PVC 12.7/22(24)kv
647	MV24DSTA3C35	CXV/DSTA 3Cx 35 SQMM-12.7/22(24)KV
682	MV24DSTA3C50	CXV/DSTA 3Cx 50 SQMM-12.7/22(24)KV
683	MV24DSTA3C70	CXV/DSTA 3Cx 70 SQMM-12.7/22(24)KV
684	MV24DSTA3C95	CXV/DSTA 3Cx 95 SQMM-12.7/22(24)KV
685	MV24DSTA3C120	CXV/DSTA 3Cx 120 SQMM-12.7/22(24)KV
686	MV24DSTA3C150	CXV/DSTA 3Cx 150 SQMM-12.7/22(24)KV
687	MV24DSTA3C185	CXV/DSTA 3Cx 185 SQMM-12.7/22(24)KV
688	MV24DSTA3C240	CXV/DSTA 3Cx 240 SQMM-12.7/22(24)KV
689	MV24DSTA3C300	CXV/DSTA 3Cx 300 SQMM-12.7/22(24)KV
690	MV24DSTA3C400	CXV/DSTA 3Cx 400 SQMM-12.7/22(24)KV
	MV243C	Cáp điện ngầm trung thế 3 lõi Cu/XLPE/PVC 12.7/22(24)kv
693	MV243C35	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 35 SQMM-12.7/22(24)KV
694	MV243C50	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 50 SQMM-12.7/22(24)KV
695	MV243C70	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 70 SQMM-12.7/22(24)KV
696	MV243C95	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 95 SQMM-12.7/22(24)KV
697	MV243C120	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 120 SQMM-12.7/22(24)KV
698	MV243C150	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 150 SQMM-12.7/22(24)KV
699	MV243C185	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 185 SQMM-12.7/22(24)KV
700	MV243C240	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 240 SQMM-12.7/22(24)KV
701	MV243C300	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 300 SQMM-12.7/22(24)KV
702	MV243C400	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 400 SQMM-12.7/22(24)KV
	MV241C	Cáp điện ngầm trung thế 1 lõi Cu/XLPE/PVC 12.7/22(24)kv
705	MV241C35	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 35 SQMM-12.7/22(24)KV
706	MV241C50	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 50 SQMM-12.7/22(24)KV
707	MV241C70	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 70 SQMM-12.7/22(24)KV
708	MV241C95	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 95 SQMM-12.7/22(24)KV
709	MV241C120	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 120 SQMM-12.7/22(24)KV
710	MV241C150	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 150 SQMM-12.7/22(24)KV
711	MV241C185	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 185 SQMM-12.7/22(24)KV
712	MV241C240	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 240 SQMM-12.7/22(24)KV
713	MV241C300	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 300 SQMM-12.7/22(24)KV
714	MV241C400	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 400 SQMM-12.7/22(24)KV
	MV24SWA3C	Cáp điện ngầm trung thế 3 lõi Cu/XLPE/SWA/PVC 12.7/22(24)kv
717	MV24SWA3C35	CXV/SWA 3Cx 35 SQMM-12.7/22(24)KV
718	MV24SWA3C50	CXV/SWA 3Cx 50 SQMM-12.7/22(24)KV
719	MV24SWA3C70	CXV/SWA 3Cx 70 SQMM-12.7/22(24)KV
720	MV24SWA3C95	CXV/SWA 3Cx 95 SQMM-12.7/22(24)KV
721	MV24SWA3C120	CXV/SWA 3Cx 120 SQMM-12.7/22(24)KV
722	MV24SWA3C150	CXV/SWA 3Cx 150 SQMM-12.7/22(24)KV
723	MV24SWA3C185	CXV/SWA 3Cx 185 SQMM-12.7/22(24)KV
724	MV24SWA3C240	CXV/SWA 3Cx 240 SQMM-12.7/22(24)KV
725	MV24SWA3C300	CXV/SWA 3Cx 300 SQMM-12.7/22(24)KV
726	MV24SWA3C400	CXV/SWA 3Cx 400 SQMM-12.7/22(24)KV
728	AXV2C	Cáp nhôm 2lõi Cu/XLPE/PVC 0.6/1kv
729	AXV2C1.5	Al/XLPE/PVC 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kv
730	AXV2C2.5	Al/XLPE/PVC 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kv
731	AXV2C4	Al/XLPE/PVC 2Cx4 SQMM-0.6/1kv
732	AXV2C6	Al/XLPE/PVC 2Cx6 SQMM-0.6/1kv



CÁP TAIHAN-SACOM
TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai
VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



733	AXV2C10	Al/XLPE/PVC 2Cx10 SQMM-0.6/1kV
734	AXV2C16	Al/XLPE/PVC 2Cx16 SQMM-0.6/1kV
735	AXV2C25	Al/XLPE/PVC 2Cx25 SQMM-0.6/1kV
736	AXV2C35	Al/XLPE/PVC 2Cx35 SQMM-0.6/1kV
737	AXV2C50	Al/XLPE/PVC 2Cx50 SQMM-0.6/1kV
738	AXV2C70	Al/XLPE/PVC 2Cx70 SQMM-0.6/1kV
739	AXV2C95	Al/XLPE/PVC 2Cx95 SQMM-0.6/1kV
740	AXV2C120	Al/XLPE/PVC 2Cx120 SQMM-0.6/1kV
741	AXV2C150	Al/XLPE/PVC 2Cx150 SQMM-0.6/1kV
742	AXV2C185	Al/XLPE/PVC 2Cx185 SQMM-0.6/1kV
743	AXV2C240	Al/XLPE/PVC 2Cx240 SQMM-0.6/1kV
744	AXV2C300	Al/XLPE/PVC 2Cx300 SQMM-0.6/1kV
745	AXV2C400	Al/XLPE/PVC 2Cx400 SQMM-0.6/1kV
746	AXV2C1.25	Al/XLPE/PVC 2Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
747	AXV2C2	Al/XLPE/PVC 2Cx2 SQMM-0.6/1kV
748	AXV2C3.5	Al/XLPE/PVC 2Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
749	AXV2C5.5	Al/XLPE/PVC 2Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
750	AXV2C8	Al/XLPE/PVC 2Cx8 SQMM-0.6/1kV
751	AXV2C11	Al/XLPE/PVC 2Cx11 SQMM-0.6/1kV
752	AXV2C14	Al/XLPE/PVC 2Cx14 SQMM-0.6/1kV
753	AXV2C22	Al/XLPE/PVC 2Cx22 SQMM-0.6/1kV
754	AXV2C30	Al/XLPE/PVC 2Cx30 SQMM-0.6/1kV
755	AXV2C38	Al/XLPE/PVC 2Cx38 SQMM-0.6/1kV
756	AXV2C60	Al/XLPE/PVC 2Cx60 SQMM-0.6/1kV
757	AXV2C80	Al/XLPE/PVC 2Cx80 SQMM-0.6/1kV
758	AXV2C100	Al/XLPE/PVC 2Cx100 SQMM-0.6/1kV
759	AXV2C125	Al/XLPE/PVC 2Cx125 SQMM-0.6/1kV
760	AXV2C200	Al/XLPE/PVC 2Cx200 SQMM-0.6/1kV
761	AXV2C250	Al/XLPE/PVC 2Cx250 SQMM-0.6/1kV
762	AXV2C325	Al/XLPE/PVC 2Cx325 SQMM-0.6/1kV
764	AXV3C	Cáp nhôm 3 lõi Cu/XLPE/PVC 0.6/1kv
765	AXV3C1.5	Al/XLPE/PVC 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
766	AXV3C2.5	Al/XLPE/PVC 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
767	AXV3C4	Al/XLPE/PVC 3Cx4 SQMM-0.6/1kV
768	AXV3C6	Al/XLPE/PVC 3Cx6 SQMM-0.6/1kV
769	AXV3C10	Al/XLPE/PVC 3Cx10 SQMM-0.6/1kV
770	AXV3C16	Al/XLPE/PVC 3Cx16 SQMM-0.6/1kV
771	AXV3C25	Al/XLPE/PVC 3Cx25 SQMM-0.6/1kV
772	AXV3C35	Al/XLPE/PVC 3Cx35 SQMM-0.6/1kV
773	AXV3C50	Al/XLPE/PVC 3Cx50 SQMM-0.6/1kV
774	AXV3C70	Al/XLPE/PVC 3Cx70 SQMM-0.6/1kV
775	AXV3C95	Al/XLPE/PVC 3Cx95 SQMM-0.6/1kV
776	AXV3C120	Al/XLPE/PVC 3Cx120 SQMM-0.6/1kV
777	AXV3C150	Al/XLPE/PVC 3Cx150 SQMM-0.6/1kV
778	AXV3C185	Al/XLPE/PVC 3Cx185 SQMM-0.6/1kV
779	AXV3C240	Al/XLPE/PVC 3Cx240 SQMM-0.6/1kV
780	AXV3C300	Al/XLPE/PVC 3Cx300 SQMM-0.6/1kV
781	AXV3C400	Al/XLPE/PVC 3Cx400 SQMM-0.6/1kV
782	AXV3C1.25	Al/XLPE/PVC 3Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
783	AXV3C2	Al/XLPE/PVC 3Cx2 SQMM-0.6/1kV
784	AXV3C3.5	Al/XLPE/PVC 3Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
785	AXV3C5.5	Al/XLPE/PVC 3Cx5.5 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)**

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vnISO-9001-2000
HT Quản Lý Chất Lượng

786	AXV3C8	Al/XLPE/PVC 3Cx8 SQMM-0.6/1kV
787	AXV3C11	Al/XLPE/PVC 3Cx11 SQMM-0.6/1kV
788	AXV3C14	Al/XLPE/PVC 3Cx14 SQMM-0.6/1kV
789	AXV3C22	Al/XLPE/PVC 3Cx22 SQMM-0.6/1kV
790	AXV3C30	Al/XLPE/PVC 3Cx30 SQMM-0.6/1kV
791	AXV3C38	Al/XLPE/PVC 3Cx38 SQMM-0.6/1kV
792	AXV3C60	Al/XLPE/PVC 3Cx60 SQMM-0.6/1kV
793	AXV3C80	Al/XLPE/PVC 3Cx80 SQMM-0.6/1kV
794	AXV3C100	Al/XLPE/PVC 3Cx100 SQMM-0.6/1kV
795	AXV3C125	Al/XLPE/PVC 3Cx125 SQMM-0.6/1kV
796	AXV3C200	Al/XLPE/PVC 3Cx200 SQMM-0.6/1kV
797	AXV3C250	Al/XLPE/PVC 3Cx250 SQMM-0.6/1kV
799	AXV4C	Cáp nhôm 4 lõi Cu/XLPE/PVC 0.6/1kv
800	AXV4C1.5	Al/XLPE/PVC 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
801	AXV4C2.5	Al/XLPE/PVC 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
802	AXV4C4	Al/XLPE/PVC 4Cx4 SQMM-0.6/1kV
803	AXV4C6	Al/XLPE/PVC 4Cx6 SQMM-0.6/1kV
804	AXV4C10	Al/XLPE/PVC 4Cx10 SQMM-0.6/1kV
805	AXV4C16	Al/XLPE/PVC 4Cx16 SQMM-0.6/1kV
806	AXV4C25	Al/XLPE/PVC 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
807	AXV4C35	Al/XLPE/PVC 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
808	AXV4C50	Al/XLPE/PVC 4Cx50 SQMM-0.6/1kV
809	AXV4C70	Al/XLPE/PVC 4Cx70 SQMM-0.6/1kV
810	AXV4C95	Al/XLPE/PVC 4Cx95 SQMM-0.6/1kV
811	AXV4C120	Al/XLPE/PVC 4Cx120 SQMM-0.6/1kV
812	AXV4C150	Al/XLPE/PVC 4Cx150 SQMM-0.6/1kV
813	AXV4C185	Al/XLPE/PVC 4Cx185 SQMM-0.6/1kV
814	AXV4C240	Al/XLPE/PVC 4Cx240 SQMM-0.6/1kV
815	AXV4C300	Al/XLPE/PVC 4Cx300 SQMM-0.6/1kV
816	AXV4C400	Al/XLPE/PVC 4Cx400 SQMM-0.6/1kV
817	AXV4C1.25	Al/XLPE/PVC 4Cx1.25 SQMM-0.6/1kV
818	AXV4C2	Al/XLPE/PVC 4Cx2 SQMM-0.6/1kV
819	AXV4C3.5	Al/XLPE/PVC 4Cx3.5 SQMM-0.6/1kV
820	AXV4C5.5	Al/XLPE/PVC 4Cx5.5 SQMM-0.6/1kV
821	AXV4C8	Al/XLPE/PVC 4Cx8 SQMM-0.6/1kV
822	AXV4C11	Al/XLPE/PVC 4Cx11 SQMM-0.6/1kV
823	AXV4C14	Al/XLPE/PVC 4Cx14 SQMM-0.6/1kV
824	AXV4C22	Al/XLPE/PVC 4Cx22 SQMM-0.6/1kV
825	AXV4C30	Al/XLPE/PVC 4Cx30 SQMM-0.6/1kV
826	AXV4C38	Al/XLPE/PVC 4Cx38 SQMM-0.6/1kV
827	AXV4C60	Al/XLPE/PVC 4Cx60 SQMM-0.6/1kV
828	AXV4C80	Al/XLPE/PVC 4Cx80 SQMM-0.6/1kV
829	AXV4C100	Al/XLPE/PVC 4Cx100 SQMM-0.6/1kV
830	AXV4C125	Al/XLPE/PVC 4Cx125 SQMM-0.6/1kV
831	AXV4C200	Al/XLPE/PVC 4Cx200 SQMM-0.6/1kV
832	AXV4C250	Al/XLPE/PVC 4Cx250 SQMM-0.6/1kV
833	AXV4C325	Al/XLPE/PVC 4Cx325 SQMM-0.6/1kV
835	CXVDATA1C	Cáp đồng 1 lõi Cu/XLPE/DATA 0.6/1kv
836	CXVDATA1C10	CXV/DATA 1Cx10 SQMM-0.6/1kV
837	CXVDATA1C16	CXV/DATA 1Cx16 SQMM-0.6/1kV
838	CXVDATA1C25	CXV/DATA 1Cx25 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



ISO-9001-2000
HT Quản Lý Chất Lượng

839	CXVDATA1C35	CXV/DATA 1Cx35 SQMM-0.6/1kV
840	CXVDATA1C50	CXV/DATA 1Cx50 SQMM-0.6/1kV
841	CXVDATA1C70	CXV/DATA 1Cx70 SQMM-0.6/1kV
842	CXVDATA1C95	CXV/DATA 1Cx95 SQMM-0.6/1kV
843	CXVDATA1C120	CXV/DATA 1Cx120 SQMM-0.6/1kV
844	CXVDATA1C150	CXV/DATA 1Cx150 SQMM-0.6/1kV
845	CXVDATA1C185	CXV/DATA 1Cx185 SQMM-0.6/1kV
846	CXVDATA1C240	CXV/DATA 1Cx240 SQMM-0.6/1kV
847	CXVDATA1C300	CXV/DATA 1Cx300 SQMM-0.6/1kV
848	CXVDATA1C400	CXV/DATA 1Cx400 SQMM-0.6/1kV
849	CXVDATA1C500	CXV/DATA 1Cx500 SQMM-0.6/1kV
851	CXVAWA1C	Cáp đồng 1 lõi Cu/XLPE/AWA 0.6/1kV
852	CXVAWA1C10	CXV/AWA 1Cx10 SQMM-0.6/1kV
853	CXVAWA1C16	CXV/AWA 1Cx16 SQMM-0.6/1kV
854	CXVAWA1C25	CXV/AWA 1Cx25 SQMM-0.6/1kV
855	CXVAWA1C35	CXV/AWA 1Cx35 SQMM-0.6/1kV
856	CXVAWA1C50	CXV/AWA 1Cx50 SQMM-0.6/1kV
857	CXVAWA1C70	CXV/AWA 1Cx70 SQMM-0.6/1kV
858	CXVAWA1C95	CXV/AWA 1Cx95 SQMM-0.6/1kV
859	CXVAWA1C120	CXV/AWA 1Cx120 SQMM-0.6/1kV
860	CXVAWA1C150	CXV/AWA 1Cx150 SQMM-0.6/1kV
861	CXVAWA1C185	CXV/AWA 1Cx185 SQMM-0.6/1kV
862	CXVAWA1C240	CXV/AWA 1Cx240 SQMM-0.6/1kV
863	CXVAWA1C300	CXV/AWA 1Cx300 SQMM-0.6/1kV
864	CXVAWA1C400	CXV/AWA 1Cx400 SQMM-0.6/1kV
865	CXVAWA1C500	CXV/AWA 1Cx500 SQMM-0.6/1kV
867	Muller	Cáp điện ké Muller 2 lõi 0.6/1kV
868	Muller2Cx4	Muller 2Cx4 SQMM-0.6/1kV
869	Muller2Cx6	Muller 2Cx6 SQMM-0.6/1kV
870	Muller2Cx7	Muller 2Cx7 SQMM-0.6/1kV
871	Muller2Cx10	Muller 2Cx10 SQMM-0.6/1kV
872	Muller2Cx11	Muller 2Cx11 SQMM-0.6/1kV
873	Muller2Cx16	Muller 2Cx16 SQMM-0.6/1kV
874	Muller2Cx25	Muller 2Cx25 SQMM-0.6/1kV
875	Muller2Cx35	Muller 2Cx35 SQMM-0.6/1kV
876	Muller2Cx50	Muller 2Cx50 SQMM-0.6/1kV
878	Muller	Cáp điện ké Muller 4 lõi 0.6/1kV
879	Muller4Cx4	Muller 4Cx4 SQMM-0.6/1kV
880	Muller4Cx6	Muller 4Cx6 SQMM-0.6/1kV
881	Muller4Cx10	Muller 4Cx10 SQMM-0.6/1kV
882	Muller4Cx11	Muller 4Cx11 SQMM-0.6/1kV
883	Muller4Cx16	Muller 4Cx16 SQMM-0.6/1kV
884	Muller4Cx25	Muller 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
885	Muller4Cx35	Muller 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
887	Muller	Cáp điện ké Muller (3 + 1) lõi 0.6/1kV
888	Muller3Cx7+1Cx4	Muller 3Cx7+1Cx4 SQMM-0.6/1kV
889	Muller3Cx10+1Cx6	Muller 3Cx10+1Cx6 SQMM-0.6/1kV
890	Muller3Cx11+1Cx6	Muller 3Cx11+1Cx6 SQMM-0.6/1kV
891	Muller3Cx16+1Cx10	Muller 3Cx16+1Cx10 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

892	Muller3Cx22+1Cx11	Muller 3Cx22+1Cx11 SQMM-0.6/1kV
893	Muller3Cx25+1Cx16	Muller 3Cx25+1Cx16 SQMM-0.6/1kV
894	Muller3Cx35+1Cx16	Muller 3Cx35+1Cx16 SQMM-0.6/1kV
895	Muller3Cx35+1Cx25	Muller 3Cx35+1Cx25 SQMM-0.6/1kV
896	Muller3Cx38+1Cx22	Muller 3Cx38+1Cx22 SQMM-0.6/1kV
897	Muller3Cx50+1Cx25	Muller 3Cx50+1Cx25 SQMM-0.6/1kV
898	Muller3Cx70+1Cx35	Muller 3Cx70+1Cx35 SQMM-0.6/1kV
900	Duplex	Cáp Duplex (2 lõi Cu/PVC) 0.6/1kv
901	Duplex6	Duplex6 SQMM-0.6/1kV
902	Duplex7	Duplex7 SQMM-0.6/1kV
903	Duplex10	Duplex10 SQMM-0.6/1kV
904	Duplex11	Duplex11 SQMM-0.6/1kV
905	Duplex16	Duplex16 SQMM-0.6/1kV
906	Duplex22	Duplex22 SQMM-0.6/1kV
907	Duplex25	Duplex25 SQMM-0.6/1kV
908	Duplex35	Duplex35 SQMM-0.6/1kV
909	Duplex50	Duplex50 SQMM-0.6/1kV
910	Duplex70	Duplex70 SQMM-0.6/1kV
912	Quaduplex	Cáp QuaDuplex (4 lõi Cu/PVC) 0.6/1kv
913	Quaduplex6	Quaduplex6 SQMM-0.6/1kV
914	Quaduplex7	Quaduplex7 SQMM-0.6/1kV
915	Quaduplex10	Quaduplex10 SQMM-0.6/1kV
916	Quaduplex11	Quaduplex11 SQMM-0.6/1kV
917	Quaduplex16	Quaduplex16 SQMM-0.6/1kV
918	Quaduplex22	Quaduplex22 SQMM-0.6/1kV
919	Quaduplex25	Quaduplex25 SQMM-0.6/1kV
920	Quaduplex35	Quaduplex35 SQMM-0.6/1kV
921	Quaduplex50	Quaduplex50 SQMM-0.6/1kV
922	Quaduplex70	Quaduplex70 SQMM-0.6/1kV
924	CXVSWA	Cáp điện bọc 4(3+1/2) lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
925	CXVSWA3Cx16+1Cx10	CXV/SWA 4C(3Cx16+1Cx10) SQMM-0.6/1kV
926	CXVSWA3Cx25+1Cx16	CXV/SWA 4C(3Cx25+1Cx16) SQMM-0.6/1kV
927	CXVSWA3Cx35+1Cx16	CXV/SWA 4C(3Cx35+1Cx16) SQMM-0.6/1kV
928	CXVSWA3Cx35+1Cx25	CXV/SWA 4C(3Cx35+1Cx25) SQMM-0.6/1kV
929	CXVSWA3Cx50+1Cx25	CXV/SWA 4C(3Cx50+1Cx25) SQMM-0.6/1kV
930	CXVSWA3Cx50+1Cx35	CXV/SWA 4C(3Cx50+1Cx35) SQMM-0.6/1kV
931	CXVSWA3Cx70+1Cx35	CXV/SWA 4C(3Cx70+1Cx35) SQMM-0.6/1kV
932	CXVSWA3Cx95+1Cx50	CXV/SWA 4C(3Cx95+1Cx50) SQMM-0.6/1kV
933	CXVSWA3Cx120+1Cx70	CXV/SWA 4C(3Cx120+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
934	CXVSWA3Cx120+1Cx95	CXV/SWA 4C(3Cx120+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
935	CXVSWA3Cx150+1Cx70	CXV/SWA 4C(3Cx150+1Cx70) SQMM-0.6/1kV
936	CXVSWA3Cx150+1Cx95	CXV/SWA 4C(3Cx150+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
937	CXVSWA3Cx185+1Cx95	CXV/SWA 4C(3Cx185+1Cx95) SQMM-0.6/1kV
938	CXVSWA3Cx240+1Cx120	CXV/SWA 4C(3Cx240+1Cx120) SQMM-0.6/1kV
939	CXVSWA3Cx300+1Cx150	CXV/SWA 4C(3Cx300+1Cx150) SQMM-0.6/1kV
941	CXVSWA	Cáp điện bọc 5(4+1/2) lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
942	CXVSWA4cx16+1cx10	CXV/SWA 5C(4cx16+1cx10) SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

943	CXVSWA4cx25+1cx16	CXV/SWA 5C(4cx25+1cx16) SQMM-0.6/1kV
944	CXVSWA4cx35+1cx25	CXV/SWA 5C(4cx35+1cx25) SQMM-0.6/1kV
945	CXVSWA4cx35+1cx25	CXV/SWA 5C(4cx35+1cx25) SQMM-0.6/1kV
946	CXVSWA4cx50+1cx25	CXV/SWA 5C(4cx50+1cx25) SQMM-0.6/1kV
947	CXVSWA4cx50+1cx35	CXV/SWA 5C(4cx50+1cx35) SQMM-0.6/1kV
948	CXVSWA4cx70+1cx35	CXV/SWA 5C(4cx70+1cx35) SQMM-0.6/1kV
949	CXVSWA4cx95+1cx50	CXV/SWA 5C(4cx95+1cx50) SQMM-0.6/1kV
950	CXVSWA4cx120+1cx70	CXV/SWA 5C(4cx120+1cx70) SQMM-0.6/1kV
951	CXVSWA4cx150+1cx70	CXV/SWA 5C(4cx150+1cx70) SQMM-0.6/1kV
952	CXVSWA4cx150+1cx95	CXV/SWA 5C(4cx150+1cx95) SQMM-0.6/1kV
953	CXVSWA4cx185+1cx95	CXV/SWA 5C(4cx185+1cx95) SQMM-0.6/1kV
954	CXVSWA4cx240+1cx120	CXV/SWA 5C(4cx240+1cx120) SQMM-0.6/1kV
955	CXVSWA4cx300+1cx150	CXV/SWA 5C(4cx300+1cx150) SQMM-0.6/1kV
957	CXVSWA	Cáp điện bọc 3(2+1/2) lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
958	CXVSWA2CX25+1CX16	CXV/SWA 3C(2CX25+1CX16) SQMM-0.6/1kV
959	CXVSWA2CX35+1CX25	CXV/SWA 3C(2CX35+1CX25) SQMM-0.6/1kV
961	CXVSWA2c	Cáp điện bọc 2 lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
962	CXVSWA2c1.5	CXV/SWA 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
963	CXVSWA2c2.5	CXV/SWA 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
964	CXVSWA2c4	CXV/SWA 2Cx4 SQMM-0.6/1kV
965	CXVSWA2c6	CXV/SWA 2Cx6 SQMM-0.6/1kV
966	CXVSWA2c10	CXV/SWA 2Cx10 SQMM-0.6/1kV
967	CXVSWA2c16	CXV/SWA 2Cx16 SQMM-0.6/1kV
968	CXVSWA2c25	CXV/SWA 2Cx25 SQMM-0.6/1kV
969	CXVSWA2c35	CXV/SWA 2Cx35 SQMM-0.6/1kV
970	CXVSWA2c50	CXV/SWA 2Cx50 SQMM-0.6/1kV
971	CXVSWA2c70	CXV/SWA 2Cx70 SQMM-0.6/1kV
972	CXVSWA2c95	CXV/SWA 2Cx95 SQMM-0.6/1kV
973	CXVSWA2c120	CXV/SWA 2Cx120 SQMM-0.6/1kV
974	CXVSWA2c150	CXV/SWA 2Cx150 SQMM-0.6/1kV
975	CXVSWA2c185	CXV/SWA 2Cx185 SQMM-0.6/1kV
976	CXVSWA2c240	CXV/SWA 2Cx240 SQMM-0.6/1kV
977	CXVSWA2c300	CXV/SWA 2Cx300 SQMM-0.6/1kV
978	CXVSWA2c400	CXV/SWA 2Cx400 SQMM-0.6/1kV
980	CXVSWA3c	Cáp điện bọc 3 lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
981	CXVSWA3c1.5	CXV/SWA 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
982	CXVSWA3c2.5	CXV/SWA 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
983	CXVSWA3c4	CXV/SWA 3Cx4 SQMM-0.6/1kV
984	CXVSWA3c6	CXV/SWA 3Cx6 SQMM-0.6/1kV
985	CXVSWA3c10	CXV/SWA 3Cx10 SQMM-0.6/1kV
986	CXVSWA3c16	CXV/SWA 3Cx16 SQMM-0.6/1kV
987	CXVSWA3c25	CXV/SWA 3Cx25 SQMM-0.6/1kV
988	CXVSWA3c35	CXV/SWA 3Cx35 SQMM-0.6/1kV
989	CXVSWA3c50	CXV/SWA 3Cx50 SQMM-0.6/1kV
990	CXVSWA3c70	CXV/SWA 3Cx70 SQMM-0.6/1kV
991	CXVSWA3c95	CXV/SWA 3Cx95 SQMM-0.6/1kV
992	CXVSWA3c120	CXV/SWA 3Cx120 SQMM-0.6/1kV
993	CXVSWA3c150	CXV/SWA 3Cx150 SQMM-0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

994	CXVSWA3c185	CXV/SWA 3Cx185 SQMM-0.6/1kV
995	CXVSWA3c240	CXV/SWA 3Cx240 SQMM-0.6/1kV
996	CXVSWA3c300	CXV/SWA 3Cx300 SQMM-0.6/1kV
997	CXVSWA3c400	CXV/SWA 3Cx400 SQMM-0.6/1kV
999	CXVSWA4c	Cáp điện bọc 4 lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
1000	CXVSWA4c1.5	CXV/SWA 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1001	CXVSWA4c2.5	CXV/SWA 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1002	CXVSWA4c4	CXV/SWA 4Cx4 SQMM-0.6/1kV
1003	CXVSWA4c6	CXV/SWA 4Cx6 SQMM-0.6/1kV
1004	CXVSWA4c10	CXV/SWA 4Cx10 SQMM-0.6/1kV
1005	CXVSWA4c16	CXV/SWA 4Cx16 SQMM-0.6/1kV
1006	CXVSWA4c25	CXV/SWA 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
1007	CXVSWA4c35	CXV/SWA 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
1008	CXVSWA4c50	CXV/SWA 4Cx50 SQMM-0.6/1kV
1009	CXVSWA4c70	CXV/SWA 4Cx70 SQMM-0.6/1kV
1010	CXVSWA4c95	CXV/SWA 4Cx95 SQMM-0.6/1kV
1011	CXVSWA4c120	CXV/SWA 4Cx120 SQMM-0.6/1kV
1012	CXVSWA4c150	CXV/SWA 4Cx150 SQMM-0.6/1kV
1013	CXVSWA4c185	CXV/SWA 4Cx185 SQMM-0.6/1kV
1014	CXVSWA4c240	CXV/SWA 4Cx240 SQMM-0.6/1kV
1015	CXVSWA4c300	CXV/SWA 4Cx300 SQMM-0.6/1kV
1016	CXVSWA4c400	CXV/SWA 4Cx400 SQMM-0.6/1kV
1018	CXVSWA5c	Cáp điện bọc 5 lõi Cu/XLPE/SWA/ PVC 0.6/1kv có giáp dây thép mạ kẽm.
1019	CXVSWA5c1.5	CXV/SWA 5Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1020	CXVSWA5c2.5	CXV/SWA 5Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1021	CXVSWA5c4	CXV/SWA 5Cx4 SQMM-0.6/1kV
1022	CXVSWA5c6	CXV/SWA 5Cx6 SQMM-0.6/1kV
1023	CXVSWA5c10	CXV/SWA 5Cx10 SQMM-0.6/1kV
1024	CXVSWA5c16	CXV/SWA 5Cx16 SQMM-0.6/1kV
1025	CXVSWA5c25	CXV/SWA 5Cx25 SQMM-0.6/1kV
1026	CXVSWA5c35	CXV/SWA 5Cx35 SQMM-0.6/1kV
1027	CXVSWA5c50	CXV/SWA 5Cx50 SQMM-0.6/1kV
1028	CXVSWA5c70	CXV/SWA 5Cx70 SQMM-0.6/1kV
1029	CXVSWA5c95	CXV/SWA 5Cx95 SQMM-0.6/1kV
1030	CXVSWA5c120	CXV/SWA 5Cx120 SQMM-0.6/1kV
1031	CXVSWA5c150	CXV/SWA 5Cx150 SQMM-0.6/1kV
1032	CXVSWA5c185	CXV/SWA 5Cx185 SQMM-0.6/1kV
1033	CXVSWA5c240	CXV/SWA 5Cx240 SQMM-0.6/1kV
1034	CXVSWA5c300	CXV/SWA 5Cx300 SQMM-0.6/1kV
1035	CXVSWA5c400	CXV/SWA 5Cx400 SQMM-0.6/1kV
1037	1.5SWA	Cáp điều khiển CXV giáp sợi thép nC x 1.5 SQMM
1038	2C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 2Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1039	3C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 3Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1040	4C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 4Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1041	5C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 5Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1042	6C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 6Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1043	7C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 7Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1044	8C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 8Cx1.5 SQMM-0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



1045	9C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 9Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1046	10C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 10Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1047	12C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 12Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1048	14C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 14Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1049	16C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 16Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1050	19C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 19Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1051	20C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 20Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1052	24C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 24Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1053	27C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 27Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1054	30C1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 30Cx1.5 SQMM-0.6/1kV
1056	2.5SWA	Cáp điều khiển CXV giáp sợi thép nC x 2.5 SQMM
1057	2C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 2Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1058	3C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 3Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1059	4C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 4Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1060	5C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 5Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1061	6C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 6Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1062	7C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 7Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1063	8C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 8Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1064	9C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 9Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1065	10C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 10Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1066	12C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 12Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1067	14C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 14Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1068	16C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 16Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1069	19C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 19Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1070	20C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 20Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1071	24C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 24Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1072	27C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 27Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1073	30C2.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 30Cx2.5 SQMM-0.6/1kV
1075	1.5SWA	Cáp điều khiển Pairing CXV giáp sợi thép nP x 2.5 SQMM
1076	2P1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 2Px1.5 SQMM-0.6/1kV
1077	15P1.5SWA	Cu/XLPE/SWA/PVC 15Px1.5 SQMM-0.6/1kV
1079	2.5SWAFR3	Cáp điều khiển chống cháy TFR3 CXV giáp sợi thép nC x 2.5 SQMM
1080	4C2.5SWAFR3	CXV/SWA -TFR3 - 4Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1081	12C2.5SWAFR3	CXV/SWA -TFR3 - 12Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1082	MV24DSTAW3c	Cáp trung thế 3 lõi, giáp băng, chống thấm CXV/DSTA-W 12.7/22(24) KV
1083	MV24DSTAW3c35	CXV/DSTA -W 3Cx 35 SQMM-12.7/22(24)KV
1084	MV24DSTAW3c50	CXV/DSTA -W 3Cx 50 SQMM-12.7/22(24)KV
1085	MV24DSTAW3c70	CXV/DSTA -W 3Cx 70 SQMM-12.7/22(24)KV
1086	MV24DSTAW3c95	CXV/DSTA -W 3Cx 95 SQMM-12.7/22(24)KV
1087	MV24DSTAW3c120	CXV/DSTA -W 3Cx 120 SQMM-12.7/22(24)KV
1088	MV24DSTAW3c150	CXV/DSTA -W 3Cx 150 SQMM-12.7/22(24)KV
1089	MV24DSTAW3c185	CXV/DSTA -W 3Cx 185 SQMM-12.7/22(24)KV
1090	MV24DSTAW3c240	CXV/DSTA -W 3Cx 240 SQMM-12.7/22(24)KV
1091	MV24DSTAW3c300	CXV/DSTA -W 3Cx 300 SQMM-12.7/22(24)KV
1092	MV24DSTAW3c400	CXV/DSTA -W 3Cx 400 SQMM-12.7/22(24)KV
1093	MV40DSTAW3c	Cáp trung thế 3 lõi, giáp băng, chống thấm CXV/DSTA-W 20/35(40.5) KV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

1094	MV40DSTAW3c50	CXV/DSTA -W 3Cx 50 SQMM-20/35(40.5)KV
1095	MV40DSTAW3c70	CXV/DSTA -W 3Cx 70 SQMM-20/35(40.5)KV
1096	MV40DSTAW3c95	CXV/DSTA -W 3Cx 95 SQMM-20/35(40.5)KV
1097	MV40DSTAW3c120	CXV/DSTA -W 3Cx 120 SQMM-20/35(40.5)KV
1098	MV40DSTAW3c150	CXV/DSTA -W 3Cx 150 SQMM-20/35(40.5)KV
1099	MV40DSTAW3c185	CXV/DSTA -W 3Cx 185 SQMM-20/35(40.5)KV
1100	MV40DSTAW3c240	CXV/DSTA -W 3Cx 240 SQMM-20/35(40.5)KV
1101	MV40DSTAW3c300	CXV/DSTA -W 3Cx 300 SQMM-20/35(40.5)KV
1102	MV40DSTAW3c400	CXV/DSTA -W 3Cx 400 SQMM-20/35(40.5)KV
1103	MV6DSTA3c	Cáp trung thế 3 lõi giáp bằng thép CXV/DSTA 3.6/6(7.2) KV
1104	MV6DSTA3c25	CXV/DSTA 3Cx25 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1105	MV6DSTA3c35	CXV/DSTA 3Cx35 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1106	MV6DSTA3c50	CXV/DSTA 3Cx50 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1107	MV6DSTA3c70	CXV/DSTA 3Cx70 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1108	MV6DSTA3c95	CXV/DSTA 3Cx95 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1109	MV6DSTA3c120	CXV/DSTA 3Cx120 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1110	MV6DSTA3c150	CXV/DSTA 3Cx150 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1111	MV6DSTA3c185	CXV/DSTA 3Cx185 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1112	MV6DSTA3c240	CXV/DSTA 3Cx240 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1113	MV6DSTA3c300	CXV/DSTA 3Cx300 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1114	MV6DSTA3c400	CXV/DSTA 3Cx400 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1115	MV6DSTA3c500	CXV/DSTA 3Cx500 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1116	MV6SWA3c	Cáp trung thế 3 lõi giáp sợi thép CXV/SWA 3.6/6(7.2) KV
1117	MV6SWA3c25	CXV/SWA 3Cx25 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1118	MV6SWA3c35	CXV/SWA 3Cx35 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1119	MV6SWA3c50	CXV/SWA 3Cx50 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1120	MV6SWA3c70	CXV/SWA 3Cx70 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1121	MV6SWA3c95	CXV/SWA 3Cx95 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1122	MV6SWA3c120	CXV/SWA 3Cx120 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1123	MV6SWA3c150	CXV/SWA 3Cx150 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1124	MV6SWA3c185	CXV/SWA 3Cx185 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1125	MV6SWA3c240	CXV/SWA 3Cx240 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1126	MV6SWA3c300	CXV/SWA 3Cx300 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1127	MV6SWA3c400	CXV/SWA 3Cx400 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1128	MV6SWA3c500	CXV/SWA 3Cx500 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1129	MV63c	Cáp trung thế 3 lõi CXV 3.6/6(7.2) KV
1130	MV63c25	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx25 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1131	MV63c35	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx35 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1132	MV63c50	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx50 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1133	MV63c70	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx70 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1134	MV63c95	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx95 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1135	MV63c120	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx120 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1136	MV63c150	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx150 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1137	MV63c185	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx185 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1138	MV63c240	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx240 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1139	MV63c300	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx300 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1140	MV63c400	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx400 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1141	MV63c500	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx500 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1142	MV61c	Cáp trung thế 1 lõi CXV 3.6/6(7.2) KV



CÁP TAIHAN-SACOM
TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai
VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



1143	MV61c25	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx25 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1144	MV61c35	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx35 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1145	MV61c50	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx50 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1146	MV61c70	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx70 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1147	MV61c95	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx95 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1148	MV61c120	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx120 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1149	MV61c150	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx150 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1150	MV61c185	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx185 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1151	MV61c240	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx240 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1152	MV61c300	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx300 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1153	MV61c400	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx400 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1154	MV61c500	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx500 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1155	MV6DATA1c	Cáp trung thế 1 lõi giáp bằng nhôm CXV/DATA 3.6/6(7.2) KV
1156	MV6DATA1c25	CXV/DATA 1Cx25 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1157	MV6DATA1c35	CXV/DATA 1Cx35 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1158	MV6DATA1c50	CXV/DATA 1Cx50 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1159	MV6DATA1c70	CXV/DATA 1Cx70 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1160	MV6DATA1c95	CXV/DATA 1Cx95 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1161	MV6DATA1c120	CXV/DATA 1Cx120 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1162	MV6DATA1c150	CXV/DATA 1Cx150 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1163	MV6DATA1c185	CXV/DATA 1Cx185 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1164	MV6DATA1c240	CXV/DATA 1Cx240 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1165	MV6DATA1c300	CXV/DATA 1Cx300 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1166	MV6DATA1c400	CXV/DATA 1Cx400 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1167	MV6DATA1c500	CXV/DATA 1Cx500 SQMM-3.6/6(7.2)KV
1168	MV10DATA1c	Cáp trung thế 1 lõi giáp bằng nhôm CXV/DATA 6/10(12) KV
1169	MV10DATA1c25	CXV/DATA 1Cx25 SQMM-6/10(12)KV
1170	MV10DATA1c35	CXV/DATA 1Cx35 SQMM-6/10(12)KV
1171	MV10DATA1c50	CXV/DATA 1Cx50 SQMM-6/10(12)KV
1172	MV10DATA1c70	CXV/DATA 1Cx70 SQMM-6/10(12)KV
1173	MV10DATA1c95	CXV/DATA 1Cx95 SQMM-6/10(12)KV
1174	MV10DATA1c120	CXV/DATA 1Cx120 SQMM-6/10(12)KV
1175	MV10DATA1c150	CXV/DATA 1Cx150 SQMM-6/10(12)KV
1176	MV10DATA1c185	CXV/DATA 1Cx185 SQMM-6/10(12)KV
1177	MV10DATA1c240	CXV/DATA 1Cx240 SQMM-6/10(12)KV
1178	MV10DATA1c300	CXV/DATA 1Cx300 SQMM-6/10(12)KV
1179	MV10DATA1c400	CXV/DATA 1Cx400 SQMM-6/10(12)KV
1180	MV10DATA1c500	CXV/DATA 1Cx500 SQMM-6/10(12)KV
1181	MV101c	Cáp trung thế 1 lõi CXV 6/10(12) KV
1182	MV101c35	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx35 SQMM-6/10(12)KV
1183	MV101c50	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx50 SQMM-6/10(12)KV
1184	MV101c70	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx70 SQMM-6/10(12)KV
1185	MV101c95	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx95 SQMM-6/10(12)KV
1186	MV101c120	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx120 SQMM-6/10(12)KV
1187	MV101c150	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx150 SQMM-6/10(12)KV
1188	MV101c185	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx185 SQMM-6/10(12)KV
1189	MV101c240	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx240 SQMM-6/10(12)KV
1190	MV101c300	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx300 SQMM-6/10(12)KV
1191	MV101c400	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx400 SQMM-6/10(12)KV
1192	MV101c500	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx500 SQMM-6/10(12)KV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)****Nhà Máy:** Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai**VP HCM:** 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM**Hotline:** (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

1193	MV103c	Cáp trung thế 3 lõi CXV 6/10(12) KV
1194	MV103c35	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx35 SQMM-6/10(12)KV
1195	MV103c50	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx50 SQMM-6/10(12)KV
1196	MV103c70	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx70 SQMM-6/10(12)KV
1197	MV103c95	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx95 SQMM-6/10(12)KV
1198	MV103c120	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx120 SQMM-6/10(12)KV
1199	MV103c150	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx150 SQMM-6/10(12)KV
1200	MV103c185	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx185 SQMM-6/10(12)KV
1201	MV103c240	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx240 SQMM-6/10(12)KV
1202	MV103c300	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx300 SQMM-6/10(12)KV
1203	MV103c400	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx400 SQMM-6/10(12)KV
1204	MV103c500	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx500 SQMM-6/10(12)KV
1205	MV10SWA3c	Cáp trung thế 3 lõi giáp sợi thép CXV/SWA 6/10(12) KV
1206	MV10SWA3c35	CXV/SWA 3Cx35 SQMM-6/10(12)KV
1207	MV10SWA3c50	CXV/SWA 3Cx50 SQMM-6/10(12)KV
1208	MV10SWA3c70	CXV/SWA 3Cx70 SQMM-6/10(12)KV
1209	MV10SWA3c95	CXV/SWA 3Cx95 SQMM-6/10(12)KV
1210	MV10SWA3c120	CXV/SWA 3Cx120 SQMM-6/10(12)KV
1211	MV10SWA3c150	CXV/SWA 3Cx150 SQMM-6/10(12)KV
1212	MV10SWA3c185	CXV/SWA 3Cx185 SQMM-6/10(12)KV
1213	MV10SWA3c240	CXV/SWA 3Cx240 SQMM-6/10(12)KV
1214	MV10SWA3c300	CXV/SWA 3Cx300 SQMM-6/10(12)KV
1215	MV10SWA3c400	CXV/SWA 3Cx400 SQMM-6/10(12)KV
1216	MV10SWA3c500	CXV/SWA 3Cx500 SQMM-6/10(12)KV
1217	MV10DSTA3c	Cáp trung thế 3 lõi giáp bằng thép CXV/DSTA 6/10(12) KV
1218	MV10DSTA3c35	CXV/DSTA 3Cx35 SQMM-6/10(12)KV
1219	MV10DSTA3c50	CXV/DSTA 3Cx50 SQMM-6/10(12)KV
1220	MV10DSTA3c70	CXV/DSTA 3Cx70 SQMM-6/10(12)KV
1221	MV10DSTA3c95	CXV/DSTA 3Cx95 SQMM-6/10(12)KV
1222	MV10DSTA3c120	CXV/DSTA 3Cx120 SQMM-6/10(12)KV
1223	MV10DSTA3c150	CXV/DSTA 3Cx150 SQMM-6/10(12)KV
1224	MV10DSTA3c185	CXV/DSTA 3Cx185 SQMM-6/10(12)KV
1225	MV10DSTA3c240	CXV/DSTA 3Cx240 SQMM-6/10(12)KV
1226	MV10DSTA3c300	CXV/DSTA 3Cx300 SQMM-6/10(12)KV
1227	MV10DSTA3c400	CXV/DSTA 3Cx400 SQMM-6/10(12)KV
1228	MV10DSTA3c500	CXV/DSTA 3Cx500 SQMM-6/10(12)KV
1229	MV24DATA1c	Cáp trung thế 1 lõi giáp bằng nhôm CXV/DATA 12.7/22(24) KV
1230	MV24DATA1c35	CXV/DATA 1Cx35 SQMM-12.7/22(24)KV
1231	MV24DATA1c50	CXV/DATA 1Cx50 SQMM-12.7/22(24)KV
1232	MV24DATA1c70	CXV/DATA 1Cx70 SQMM-12.7/22(24)KV
1233	MV24DATA1c95	CXV/DATA 1Cx95 SQMM-12.7/22(24)KV
1234	MV24DATA1c120	CXV/DATA 1Cx120 SQMM-12.7/22(24)KV
1235	MV24DATA1c150	CXV/DATA 1Cx150 SQMM-12.7/22(24)KV
1236	MV24DATA1c185	CXV/DATA 1Cx185 SQMM-12.7/22(24)KV
1237	MV24DATA1c240	CXV/DATA 1Cx240 SQMM-12.7/22(24)KV
1238	MV24DATA1c300	CXV/DATA 1Cx300 SQMM-12.7/22(24)KV
1239	MV24DATA1c400	CXV/DATA 1Cx400 SQMM-12.7/22(24)KV
1240	MV24DATA1c500	CXV/DATA 1Cx500 SQMM-12.7/22(24)KV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)**

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

1241	MV36DATA1c	Cáp trung thế 1 lõi giáp bằng nhôm CXV/DATA 18/30(36) KV
1242	MV36DATA1c50	CXV/DATA 1Cx50 SQMM-18/30(36)KV
1243	MV36DATA1c70	CXV/DATA 1Cx70 SQMM-18/30(36)KV
1244	MV36DATA1c95	CXV/DATA 1Cx95 SQMM-18/30(36)KV
1245	MV36DATA1c120	CXV/DATA 1Cx120 SQMM-18/30(36)KV
1246	MV36DATA1c150	CXV/DATA 1Cx150 SQMM-18/30(36)KV
1247	MV36DATA1c185	CXV/DATA 1Cx185 SQMM-18/30(36)KV
1248	MV36DATA1c240	CXV/DATA 1Cx240 SQMM-18/30(36)KV
1249	MV36DATA1c300	CXV/DATA 1Cx300 SQMM-18/30(36)KV
1250	MV36DATA1c400	CXV/DATA 1Cx400 SQMM-18/30(36)KV
1251	MV36DATA1c500	CXV/DATA 1Cx500 SQMM-18/30(36)KV
1252	MV361c	Cáp trung thế 1 lõi CXV 18/30(36) KV
1253	MV361c35	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 35 SQMM-18/30(36)KV
1254	MV361c50	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 50 SQMM-18/30(36)KV
1255	MV361c70	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 70 SQMM-18/30(36)KV
1256	MV361c95	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 95 SQMM-18/30(36)KV
1257	MV361c120	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 120 SQMM-18/30(36)KV
1258	MV361c150	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 150 SQMM-18/30(36)KV
1259	MV361c185	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 185 SQMM-18/30(36)KV
1260	MV361c240	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 240 SQMM-18/30(36)KV
1261	MV361c300	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 300 SQMM-18/30(36)KV
1262	MV361c400	Cu/XLPE/Sc/PVC 1Cx 400 SQMM-18/30(36)KV
1263	MV363c	Cáp trung thế 3 lõi CXV 18/30(36) KV
1264	MV363c35	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 35 SQMM-18/30(36)KV
1265	MV363c50	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 50 SQMM-18/30(36)KV
1266	MV363c70	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 70 SQMM-18/30(36)KV
1267	MV363c95	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 95 SQMM-18/30(36)KV
1268	MV363c120	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 120 SQMM-18/30(36)KV
1269	MV363c150	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 150 SQMM-18/30(36)KV
1270	MV363c185	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 185 SQMM-18/30(36)KV
1271	MV363c240	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 240 SQMM-18/30(36)KV
1272	MV363c300	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 300 SQMM-18/30(36)KV
1273	MV363c400	Cu/XLPE/Sc/PVC 3Cx 400 SQMM-18/30(36)KV
1274	MV36DSTA3c	Cáp trung thế 3 lõi giáp bằng thép CXV/DSTA 18/30(36) KV
1275	MV36DSTA3c35	CXV/DSTA 3Cx 35 SQMM-18/30(36)KV
1276	MV36DSTA3c50	CXV/DSTA 3Cx 50 SQMM-18/30(36)KV
1277	MV36DSTA3c70	CXV/DSTA 3Cx 70 SQMM-18/30(36)KV
1278	MV36DSTA3c95	CXV/DSTA 3Cx 95 SQMM-18/30(36)KV
1279	MV36DSTA3c120	CXV/DSTA 3Cx 120 SQMM-18/30(36)KV
1280	MV36DSTA3c150	CXV/DSTA 3Cx 150 SQMM-18/30(36)KV
1281	MV36DSTA3c185	CXV/DSTA 3Cx 185 SQMM-18/30(36)KV
1282	MV36DSTA3c240	CXV/DSTA 3Cx 240 SQMM-18/30(36)KV
1283	MV36DSTA3c300	CXV/DSTA 3Cx 300 SQMM-18/30(36)KV
1284	MV36DSTA3c400	CXV/DSTA 3Cx 400 SQMM-18/30(36)KV
1285	MV36SWA3c	Cáp trung thế 3 lõi giáp sợi thép CXV/SWA 18/30(36) KV
1286	MV36SWA3c35	CXV/SWA 3Cx 35 SQMM-18/30(36)KV
1287	MV36SWA3c50	CXV/SWA 3Cx 50 SQMM-18/30(36)KV
1288	MV36SWA3c70	CXV/SWA 3Cx 70 SQMM-18/30(36)KV
1289	MV36SWA3c95	CXV/SWA 3Cx 95 SQMM-18/30(36)KV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)**

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

1290	MV36SWA3c120	CXV/SWA 3Cx 120 SQMM-18/30(36)KV
1291	MV36SWA3c150	CXV/SWA 3Cx 150 SQMM-18/30(36)KV
1292	MV36SWA3c185	CXV/SWA 3Cx 185 SQMM-18/30(36)KV
1293	MV36SWA3c240	CXV/SWA 3Cx 240 SQMM-18/30(36)KV
1294	MV36SWA3c300	CXV/SWA 3Cx 300 SQMM-18/30(36)KV
1295	MV36SWA3c400	CXV/SWA 3Cx 400 SQMM-18/30(36)KV
1296	ACSR	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR - TCVN 5064:1994
1297	ACSR35-6.2	ACSR 35-6.2 SQMM
1298	ACSR50-8	ACSR 50-8 SQMM
1299	ACSR70-11	ACSR 70-11 SQMM
1300	ACSR95-16	ACSR 95-16 SQMM
1301	ACSR120-19	ACSR 120-19 SQMM
1302	ACSR150-19	ACSR 150-19 SQMM
1303	ACSR185-24	ACSR 185-24 SQMM
1304	ACSR185-29	ACSR 185-29 SQMM
1305	ACSR240-32	ACSR 240-32 SQMM
1306	ACSR400-51	ACSR 400-51 SQMM
1307	ACSRXH	Cáp nhôm trần lõi thép bọc cách điện XLPE (dày 5.5 mm), bọc vỏ HDPE
1308	ACSRXH35-6.2	ACSR/XLPE/HDPE 35-6.2 SQMM
1309	ACSRXH50-8	ACSR/XLPE/HDPE 50-8 SQMM
1310	ACSRXH70-11	ACSR/XLPE/HDPE 70-11 SQMM
1311	ACSRXH95-16	ACSR/XLPE/HDPE 95-16 SQMM
1312	ACSRXH120-19	ACSR/XLPE/HDPE 120-19 SQMM
1313	ACSRXH150-19	ACSR/XLPE/HDPE 150-19 SQMM
1314	ACSRXH185-24	ACSR/XLPE/HDPE 185-24 SQMM
1315	ACSRXH185-29	ACSR/XLPE/HDPE 185-29 SQMM
1316	ACSRXH240-32	ACSR/XLPE/HDPE 240-32 SQMM
1317	ACSRXH400-51	ACSR/XLPE/HDPE 400-51 SQMM
1318	AMV36SEhhAWA1c	Cáp trung thế 1 lõi nhôm -sợi đồng làm trung tính, giáp sợi nhôm AXV/Sehh/AWA 18/30(36) KV
1319	AMV36SEhhAWA1c630	Al/XLPE/AWA/PVC 1Cx630 SQMM-18/30(36)KV
1320	AMV10SEhhSWA3c	Cáp trung thế 3 lõi nhôm, sợi đồng làm trung tính, giáp sợi thép AXV/Sehh/SWA 6/10(12) KV
1321	AMV10SEhhSWA3c300	Al/XLPE/SWA/PVC 3Cx300 SQMM-6/10(12)KV
1322	AMV15SEhhSWA3c	Cáp trung thế 3 lõi nhôm, sợi đồng làm trung tính, giáp sợi thép AXV/Sehh/SWA 8.7/15(17.5) KV
1323	AMV15SEhhSWA3c300	Al/XLPE/SWA/PVC 3Cx300 SQMM-8.7/15(17.5)KV
1324	MV12SEhh1c	Cáp trung thế 1 lõi Cu sợi đồng trung tính CXV/Sehh 6/10(12) KV
1325	MV12SEhh1c400	Cu/XLPE/PVC 1Cx 400 SQMM-6/10(12)KV
1326	MV36SEhh1c	Cáp trung thế 1 lõi Cu sợi đồng trung tính CXV/Sehh 18/30(36) KV
1327	MV36SEhh1c400	Cu/XLPE/PVC 1Cx 400 SQMM-18/30(36)KV
1328	MV36SEhh3c	Cáp trung thế 1 lõi Cu sợi đồng trung tính CXV/Sehh 18/30(36) KV
1329	MV36SEhh3c50	Cu/XLPE/PVC 3Cx50 SQMM-18/30(36)KV
1330	2.5FR3	Cáp điều khiển chống cháy TFR3 0.6/1KV loại 2,5mm2



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



ISO-9001-2000
HT Quản Lý Chất Lượng

1331	2C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 2Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1332	3C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 3Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1333	4C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 4Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1334	5C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 5Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1335	6C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 6Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1336	7C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 7Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1337	8C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 8Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1338	9C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 9Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1339	10C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 10Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1340	12C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 12Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1341	14C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 14Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1342	16C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 16Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1343	19C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 19Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1344	20C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 20Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1345	24C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 24Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1346	27C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 27Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1347	30C2.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 30Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1348	CXVFR82c	Cáp chống cháy 2 lõi TFR8 0.6/1KV
1349	CXVFR82c1.5	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1350	CXVFR82c2.5	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1351	CXVFR82c4	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx4 SQMM- 0.6/1kV
1352	CXVFR82c6	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx6 SQMM- 0.6/1kV
1353	CXVFR82c10	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx10 SQMM- 0.6/1kV
1354	CXVFR82c16	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx16 SQMM- 0.6/1kV
1355	CXVFR82c25	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx25 SQMM- 0.6/1kV
1356	CXVFR82c35	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx35 SQMM- 0.6/1kV
1357	CXVFR82c50	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx50 SQMM- 0.6/1kV
1358	CXVFR82c70	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx70 SQMM- 0.6/1kV
1359	CXVFR82c95	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx95 SQMM- 0.6/1kV
1360	CXVFR82c120	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx120 SQMM- 0.6/1kV
1361	CXVFR82c150	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx150 SQMM- 0.6/1kV
1362	CXVFR82c185	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx185 SQMM- 0.6/1kV
1363	CXVFR82c240	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx240 SQMM- 0.6/1kV
1364	CXVFR82c300	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx300 SQMM- 0.6/1kV
1365	CXVFR82c400	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 2Cx400 SQMM- 0.6/1kV
1366	CXVFR83c	Cáp chống cháy 3 lõi TFR8 0.6/1KV
1367	CXVFR83c1.5	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1368	CXVFR83c2.5	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1369	CXVFR83c4	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx4 SQMM- 0.6/1kV
1370	CXVFR83c6	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx6 SQMM- 0.6/1kV
1371	CXVFR83c10	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx10 SQMM- 0.6/1kV
1372	CXVFR83c16	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx16 SQMM- 0.6/1kV
1373	CXVFR83c25	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx25 SQMM- 0.6/1kV
1374	CXVFR83c35	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx35 SQMM- 0.6/1kV
1375	CXVFR83c50	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx50 SQMM- 0.6/1kV
1376	CXVFR83c70	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx70 SQMM- 0.6/1kV
1377	CXVFR83c95	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx95 SQMM- 0.6/1kV
1378	CXVFR83c120	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx120 SQMM- 0.6/1kV
1379	CXVFR83c150	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx150 SQMM- 0.6/1kV
1380	CXVFR83c185	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx185 SQMM- 0.6/1kV
1381	CXVFR83c240	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx240 SQMM- 0.6/1kV

**CÁP TAIHAN-SACOM****TSC COMPANY LIMITED – (TSC)**

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn

1382	CXVFR83c300	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx300 SQMM- 0.6/1kV
1383	CXVFR83c400	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 3Cx400 SQMM- 0.6/1kV
1384	CXVFR84c	Cáp chống cháy 4 lõi TFR8 0.6/1KV
1385	CXVFR84c1.5	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1386	CXVFR84c2.5	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1387	CXVFR84c4	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx4 SQMM- 0.6/1kV
1388	CXVFR84c6	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx6 SQMM- 0.6/1kV
1389	CXVFR84c10	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx10 SQMM- 0.6/1kV
1390	CXVFR84c16	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx16 SQMM- 0.6/1kV
1391	CXVFR84c25	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx25 SQMM- 0.6/1kV
1392	CXVFR84c35	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx35 SQMM- 0.6/1kV
1393	CXVFR84c50	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx50 SQMM- 0.6/1kV
1394	CXVFR84c70	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx70 SQMM- 0.6/1kV
1395	CXVFR84c95	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx95 SQMM- 0.6/1kV
1396	CXVFR84c120	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx120 SQMM- 0.6/1kV
1397	CXVFR84c150	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx150 SQMM- 0.6/1kV
1398	CXVFR84c185	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx185 SQMM- 0.6/1kV
1399	CXVFR84c240	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx240 SQMM- 0.6/1kV
1400	CXVFR84c300	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx300 SQMM- 0.6/1kV
1401	CXVFR84c400	Cu/Micatape/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR8) - 4Cx400 SQMM- 0.6/1kV
1402	CXVFR81c	Cáp chống cháy 1 lõi TFR8 0.6/1KV
1403	CXVFR81c1.5	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1404	CXVFR81c2.5	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx2.5 SQMM- 0.6/1kV
1405	CXVFR81c4	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx4 SQMM- 0.6/1kV
1406	CXVFR81c6	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx6 SQMM- 0.6/1kV
1407	CXVFR81c10	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx10 SQMM- 0.6/1kV
1408	CXVFR81c16	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx16 SQMM- 0.6/1kV
1409	CXVFR81c25	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx25 SQMM- 0.6/1kV
1410	CXVFR81c35	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx35 SQMM- 0.6/1kV
1411	CXVFR81c50	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx50 SQMM- 0.6/1kV
1412	CXVFR81c70	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx70 SQMM- 0.6/1kV
1413	CXVFR81c95	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx95 SQMM- 0.6/1kV
1414	CXVFR81c120	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx120 SQMM- 0.6/1kV
1415	CXVFR81c150	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx150 SQMM- 0.6/1kV
1416	CXVFR81c185	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx185 SQMM- 0.6/1kV
1417	CXVFR81c240	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx240 SQMM- 0.6/1kV
1418	CXVFR81c300	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx300 SQMM- 0.6/1kV
1419	CXVFR81c400	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx400 SQMM- 0.6/1kV
1420	CXVFR81c500	Cu/Micatape/XLPE/FR-PVC (FR8) - 1Cx500 SQMM- 0.6/1kV
1421	1.5FR3	Cáp điều khiển chống cháy TFR3 0.6/1KV loại 1,5mm2
1422	2C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 2Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1423	3C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 3Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1424	4C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 4Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1425	5C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 5Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1426	6C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 6Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1427	7C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 7Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1428	8C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 8Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1429	9C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 9Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1430	10C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 10Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1431	12C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 12Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV



CÁP TAIHAN-SACOM

TSC COMPANY LIMITED – (TSC)

Nhà Máy: Khu Công Nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai

VP HCM: 71-73 Điện Biên Phủ, Phường 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Hotline: (84.8) 5140510 - Fax: (84.8) 5180785 - Website: www.tsc.vn



1432	14C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 14Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1433	16C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 16Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1434	19C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 19Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1435	20C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 20Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1436	24C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 24Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1437	27C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 27Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1438	30C1.5FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 30Cx1.5 SQMM- 0.6/1kV
1439	4FR3	Cáp điều khiển chống cháy TFR3 0.6/1KV loại 4.0mm2
1440	2C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 2Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1441	3C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 3Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1442	4C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 4Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1443	5C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 5Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1444	6C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 6Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1445	7C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 7Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1446	8C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 8Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1447	9C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 9Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1448	10C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 10Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1449	12C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 12Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1450	14C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 14Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1451	16C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 16Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1452	19C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 19Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1453	20C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 20Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1454	24C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 24Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1455	27C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 27Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1456	30C4FR3	Cu/XLPE/Fireroof/FR-PVC (FR3) - 30Cx4.0 SQMM- 0.6/1kV
1458	ABC4C	Cáp nhôm treo ABC 4 lõi Cu/HDPE 0.6/1kv
1459	ABC4C16	ABC 4Cx16 SQMM-0.6/1kV
1460	ABC4C25	ABC 4Cx25 SQMM-0.6/1kV
1461	ABC4C35	ABC 4Cx35 SQMM-0.6/1kV
1462	ABC4C50	ABC 4Cx50 SQMM-0.6/1kV
1463	ABC4C70	ABC 4Cx70 SQMM-0.6/1kV
1464	ABC4C95	ABC 4Cx95 SQMM-0.6/1kV
1465	ABC4C120	ABC 4Cx120 SQMM-0.6/1kV
1466	ABC4C150	ABC 4Cx150 SQMM-0.6/1kV

Chất lượng hàng hoá/ Quality of products: Sản xuất theo tiêu chuẩn Quốc tế IEC 60502, phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 5935./ according to IEC 60502 and TCVN 5935 standard.

Điều kiện thanh toán/ Payment: Đặt cọc trước 30% kể từ ngày chấp thuận đặt hàng, giá trị còn lại sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng.(kèm thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng)/ *Advanced payment 30 percent of contract value, the remainder of value will be paid within 30 after delivery.(with the bank guaranty bond)*

Điều kiện giao hàng/ Conditions of Delivery:

- Thời gian giao hàng: trong vòng 10-40 ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng./ *Delivery time: within 10-40 days from the day of order and received the deposit.*

- Địa điểm giao hàng: tại Kho bên mua trên phương tiện bên Bán tại Tp. HCM , ĐN,BD,VT,LA./ *Delivery place: Customer's warehouse on the seller's transport.*

Bảo hành sản phẩm/ Products warranty: Sản phẩm được bảo hành 18 tháng kể từ ngày giao hàng hoặc 12 tháng kể từ ngày sử dụng./ *All of the products will be warranted in 12 months from commissioning date or 18 months from delivery date.*

ĐẠI DIỆN CÔNG TY LD CÁP TAIHAN SACOM

P.TGD NGUYỄN VĂN KIỀU